



CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

NĂM 2019

MỤC LỤC

I – Thông tin chung	trang 3
II – Tình hình hoạt động trong năm	trang 12
III – Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc	trang 21
IV – Đánh giá của HĐQT về hoạt động Công ty	trang 26
V – Quản trị Công ty	trang 27
VI – Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán	trang 32

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0301776205
- Vốn điều lệ: 90.000.000.000 VNĐ (Chín mươi tỉ đồng)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu:
- Địa chỉ: 226/2 Lê Văn Sỹ, Phường 1, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
- Số điện thoại: (84-28) 3991 9259
- Website: www.vinalinklogistics.com
- Mã cổ phiếu (nếu có): **VNL**

Quá trình hình thành và phát triển

Năm 1998:

- ❖ Công ty Vinatrans thành lập Xí nghiệp Đại lý Vận tải và Gom hàng với tên giao dịch là **Vinaconsol**.

Năm 1999:

- ❖ 24/6 : Bộ trưởng Bộ Thương mại ban hành Quyết định số 0776/1999/QĐ-BTM phê duyệt Phương án cổ phần hóa một bộ phận DNNN Vinatrans, chuyển Xí nghiệp Đại lý vận tải và gom hàng thành Công ty cổ phần Giao nhận vận tải và thương mại, tên giao dịch: **Vinalink**; vốn điều lệ 8 tỷ VNĐ (nhà nước giữ 10%); chuyên kinh doanh các dịch vụ giao nhận vận tải, kho bãi, văn phòng, XNK....
- ❖ 16/7 : Đại hội đồng cổ đông thành lập công ty hợp thông qua điều lệ , cơ cấu tổ chức bộ máy, bầu HĐQT và BKS ... Theo đó cơ cấu tổ chức bộ máy cty bao gồm:
 - Ban Giám đốc.
 - Phòng Đại lý vận tải và gom hàng.
 - Phòng Đại lý hãng tàu Hapag - Lloyd.
 - Kho 145 Nguyễn Tất Thành.
 - Phòng Kế toán - Hành chính.
- ❖ 01/9 Công ty chính thức hoạt động theo tư cách pháp nhân đã đăng ký với Sở kế hoạch và Đầu tư TP.HCM ngày 31/7.

Năm 2000:

- ❖ 07/3 Vinalink gia nhập Hiệp hội Giao nhận Kho vận Việt Nam VIFFAS.

VINALINK - BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

- ❖ 05/4 Vinalink trở thành hội viên Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt nam VCCI.
- ❖ 24/6 Tổ chức đánh giá quốc tế DNV (Na uy) chứng nhận Vinalink thực hiện hệ thống quản trị chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế ISO 9002, nay là ISO 9001 : 2000.

Năm 2001:

- ❖ 01/01 Phòng Giao nhận hàng hàng không được thành lập và chính thức hoạt động tại văn phòng A8 Trường Sơn, Q.Tân bình , sau chuyển về 44 Trường sơn Q.Tân bình.
- ❖ 01/9 Phòng Logistics được thành lập và chính thức hoạt động.

Năm 2002:

- ❖ Vinalink gia nhập Hiệp hội Giao nhận quốc tế FIATA.
- ❖ 13/5 Công ty tăng vốn điều lệ lên gấp 3 lần , vốn điều lệ mới là 24 tỷ VND.

Năm 2003:

- ❖ Tháng 6 Vinalink góp vốn trở thành 1 trong 3 bên phía Việt nam trong công ty liên doanh vận tải Việt - Nhật (Konoike Vina).
- ❖ Tháng 10: Vinalink cùng Freight Consolidators Pte.Ltd. (Singapore) thành lập công ty liên doanh Đại lý vận chuyển FC (Vietnam) chuyên kinh doanh dịch vụ đại lý cho các hãng hàng không quốc tế như British Airways, Royal Brunei Airlines...

Năm 2004:

- ❖ Văn phòng công ty tại Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore (Binh Dương) chính thức hoạt động
- ❖ Tháng 9 Công ty kỷ niệm 5 năm hoạt động và đón nhận Huân chương Lao động hạng ba do Chủ tịch nước thưởng về những thành tích xuất sắc trong 5 năm 1999 - 2003, góp phần vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.
- ❖ 11/10 Tổng cục Hải quan cấp phép thành lập Kho ngoại quan Vinalink tại 145 Nguyễn Tất Thành. Tháng 12 Kho ngoại quan Vinalink tiếp nhận lô hàng đầu tiên của khách hàng Schneider Electric Overseas Asia Pte.Ltd.
- ❖ Tháng 12, Vinalink tham gia thành lập Công ty TNHH 3 thành viên vận tải ô tô V-Truck.

Năm 2005:

- ❖ 01/01 Chi nhánh công ty tại Hà Nội chính thức hoạt động.

VINALINK - BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

- ❖ 01/4 Công ty TNHH RCL (Vietnam) - công ty liên doanh giữa Vinalink (45% vốn), SGV và Hãng tàu RCL (Singapore) chính thức hoạt động.
- ❖ 01/8 Công ty TNHH Hapag - Lloyd (Vietnam) - công ty liên doanh giữa Vinalink và Hãng tàu Hapag-Lloyd (Đức) chính thức hoạt động.
- ❖ Tháng 8 công ty tăng vốn điều lệ lên 36 tỷ VND.
- ❖ 15/9 Bộ Giao thông vận tải cấp phép kinh doanh vận tải đa phương thức cho Vinalink.

Năm 2006:

- ❖ Từ 04/9 chính thức triển khai dịch vụ chuyển phát nhanh nội địa -Vinalink Express.
- ❖ Tháng 10/2006 Công ty được Bộ Khoa học và công nghệ trao tặng Cúp vàng ISO - giải thưởng dành cho các đơn vị có thành tích xuất sắc trong việc áp dụng hệ thống quản lý theo tiêu chuẩn quốc tế vào hoạt động sản xuất - kinh doanh.

Năm 2007:

- ❖ 24/10/2007 UBND TP.HCM cấp Giấy chứng nhận đầu tư cho CÔNG TY TNHH ĐIỀU HÀNH VẬN CHUYỂN HÀNG HÓA LIỀN KẾT, tên giao dịch là LCM.CO.LTD- Đây là công ty liên doanh giữa Vinalink và Freight Consolidators Pte.Ltd. (Singapore), chuyên kinh doanh dịch vụ đại lý vận chuyển quốc tế. LCM.Co.Ltd đã được hãng hàng không Cargolux Airlines (Luxembuorg) chỉ định làm tổng đại lý hàng hóa (GSA) tại Việt nam .

Năm 2008:

- ❖ Triển khai dịch vụ đường sắt từ Việt Nam đi Kazakhstan, Uzbekistan, Mông Cổ, Nga,...
- ❖ Tháng 10 : Vinalink được trao Giải thưởng –Cúp vàng "*Công ty cổ phần hàng đầu Việt Nam*" năm 2008 do Hiệp hội Kinh doanh Chứng khoán Việt Nam, Trung tâm thông tin Tín dụng – NHNN, Tạp chí Chứng khoán –UBCKNN và 1 số cơ quan chức năng tổ chức bình chọn và trao tặng.

Năm 2009:

- ❖ Ngày 17/08/2009, Chứng khoán của Công ty chính thức được niêm yết trên sàn Giao dịch chứng khoán TPHCM (HOSE) với Mã Chứng khoán **VNL**
- ❖ 01/10/2009 Chi nhánh công ty tại Hải Phòng chính thức hoạt động
- ❖ Ngày 11/10/2009: Vinalink nhận Giải thưởng –Cúp vàng "*Công ty cổ phần hàng đầu Việt Nam*" năm 2009.

VINALINK - BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

- ❖ Ngày 31/10/2009 Công ty vinh dự đón nhận Huân chương Lao động hạng Nhì do Chủ tịch nước thưởng về những thành tích xuất sắc trong 10 năm 1999 – 2009

Năm 2010:

- ❖ Depot Vinalink chính thức hoạt động từ ngày 01/06/2010
- ❖ 17/12/2010 Bộ Thương mại Vương quốc Cambodia đã cấp Giấy phép hoạt động cho VPĐD của cty tại Phnompenh

Năm 2011:

- ❖ 06/05/2011 Tham gia thành lập Công ty cổ phần Logistics Kim Thành (Lào Cai), ngày 11/11/2011 Trung tâm Logistics Kim Thành chính thức khởi công xây dựng dưới sự chứng kiến của Lãnh đạo tỉnh Lào Cai, Bộ Công Thương và Lãnh đạo, doanh nhân tỉnh Vân Nam (Trung Quốc).
- ❖ Ngày 16/07 nhân ngày thành lập Công ty, chính thức giới thiệu Hệ thống nhận diện thương hiệu mới, bao gồm:

Logo:	
Tên miền:	headoffice@vinalinklogistics.com
Trang Web:	www.vinalinklogistics.com

- ❖ Cuối năm 2011 theo kết quả đánh giá của Cty cổ phần đánh giá Việt nam Công ty thuộc TOP 500 Doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất (FAST 500) và TOP 1000 Doanh nghiệp nộp thuế lớn nhất Việt nam, TOP 100 doanh nghiệp có chỉ số tín nhiệm cao về mức độ uy tín thương hiệu, chất lượng dịch vụ luôn hướng đến sự thỏa mãn của khách hàng theo quy trình đánh giá nhà cung cấp TQS.

Năm 2012:

- ❖ Chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp trong công ty TNHH Hapag Lloyd (Vietnam) cho phía nước ngoài từ 01/6/2012 .
- ❖ 12/2012 Nhận Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ về thành tích trong hoạt động kinh doanh các năm 2009-2011.

Năm 2013:

VINALINK - BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

- ❖ Ngày 4/1/2013, Công ty TNHH MTV Logistics Vinalink (Cambodia) đã được Bộ Thương mại Vương quốc Campuchia cấp giấy phép thành lập với nội dung như sau:

- Tên công ty: **Vinalink Logistics (Cambodia) Co., Ltd.**
- Số đăng ký với Bộ Thương mại: Co.3199E/2012, ngày 24/12/2012
- Loại hình công ty: Công ty TNHH Một thành viên
- Vốn đầu tư: USD25,000 (100.000.000 riel)

Năm 2014:

- ❖ Vinalink thay đổi tên mới kể từ ngày 24/5/2014 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0301776205 do Phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch đầu tư TPHCM cấp thay đổi lần thứ 10 ngày 22/05/2014.

* Tên công ty trước khi thay đổi : CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

* Tên công ty sau khi thay đổi : **CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK**

* Tên viết tắt : **VINALINK**

Năm 2018:

- ❖ 01/06 : Chi nhánh công ty tại Đà Nẵng chính thức hoạt động.
- ❖ 01/07 : Chi nhánh công ty tại Quy Nhơn chính thức hoạt động.

Năm 2019

- ❖ Thay đổi trụ sở chính tại 226/2 Lê Văn Sỹ, Phường 1, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh từ ngày 21/05/2019 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0301776205 do Phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch đầu tư TPHCM cấp thay đổi lần thứ 16 ngày 21/05/2019.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- ❖ Ngành nghề kinh doanh (dịch vụ chính chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất) :

* Giao nhận vận tải quốc tế: bao gồm dịch vụ vận chuyển đường biển, dịch vụ gom hàng lẻ, dịch vụ vận chuyển hàng không, dịch vụ vận tải đa phương thức, dịch vụ hàng cross border với Campuchia (gồm hàng xuất nhập khẩu và hàng quá cảnh).

* Dịch vụ logistics cho hàng xuất nhập khẩu, phân phối hàng hóa trong nước.

* Vận tải nội địa (bằng đường bộ, đường sắt, đường biển, đường sông)

* Dịch vụ Kho và Bãi container

- Địa bàn kinh doanh (các địa bàn hoạt động kinh doanh chính, chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất) : TP. Hồ Chí Minh, Hà Nội.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị

- Ban Giám đốc: gồm Tổng Giám đốc, 02 Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng
- 4 chi nhánh (Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng, Quy Nhơn)
- 1 công ty con tại Campuchia
- 3 Khối kinh doanh (Đường Biển, Hàng Không, Logistics)
- Khối Văn phòng (Kế toán – Hành chính – Nhân sự - IT)

- Cơ cấu bộ máy quản lý



Các chi nhánh và văn phòng kinh doanh

❖ Chi nhánh Công ty :

- Hà Nội: Chi nhánh Công ty CP Logistics Vinalink (Vinalink Hà Nội)
Lầu 6 – Cao ốc 14 Láng Hạ, Quận Ba Đình, TP Hà Nội
ĐT: (84-24) 37724234 – Fax: (84-24) 37724235
Email: han@vinalinklogistics.com
- Hải Phòng: Chi nhánh Công ty CP Logistics Vinalink tại Hải Phòng
72 đường Chùa Vẽ, khu Thượng Đạn, Đông Hải 1,
Quận Hải An, Hải Phòng
ĐT: (84-225) 3979582 – Fax: (84-225) 3979583
Email: hph@vinalinklogistics.com
- Đà Nẵng: Chi nhánh Công ty CP Logistics Vinalink tại Đà Nẵng
132-134-136 Đường Lê Đình Lý, Phường Vĩnh Trung,
Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng
ĐT : (84-236) 3552528

Email: dad@vinalinklogistics.com

- **Quy Nhơn :** **Chi nhánh Công ty CP Logistics Vinalink tại Quy Nhơn**
83 đường Hai Bà Trưng, Phường Lê Lợi, TP Quy Nhơn.
ĐT : (84-236) 3552528
Email: uih@vinalinklogistics.com

❖ **Địa điểm kinh doanh**

Địa điểm kinh doanh dịch vụ đại lý vận tải hàng không
44 Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
ĐT : (84-28) 3848 7252 Fax : (84-28) 3848 7250
Email : sgn-air@vinalinklogistics.com

❖ **VPGD của Công ty:**

- **Bình Dương:** 22A/1 KP Bình Đáng, Phường Bình Hòa, Thị Xã Thuận An,
Tỉnh Bình Dương
ĐT: (84-274) 3784 407 – Fax: (84-274) 3784 408
Email: bdg@vinalinklogistics.com
- **Cửa khẩu Quốc Tế Hoa Lư :** QL13, Lộc Thạnh, Lộc Ninh, Tỉnh Bình Phước
- **Cửa khẩu QT Mộc Bài :** Khu Thương Mại Hiệp Thành, Mộc Bài, Tỉnh Tây Ninh

❖ **Công ty con :** **Công ty TNHH MTV Logistics Vinalink (Cambodia)**

Địa chỉ: Regency, Complex C, Ground Floor, Unit 10-11C / 168
Samdach Monireth Boulevard (St. 217), Sangkat Tomnubteuk,
Khan Chamkamon, Phnom Penh, Kingdom of Cambodia
ĐT: (855) 23967979 – Fax: (855) 23997139
Email: pnh@vinalinklogistics.com

VINALINK - BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

Các công ty đầu tư - liên kết

ST T	Tên công ty	Vốn đầu tư (VND)	Tỷ lệ /VDL	Ghi chú
1	Cty TNHH Logistics Vinalink (Cambodia)	526,750,000	100%	Công ty con
2	Cty TNHH RCL Việt Nam	946,800,000	20%	Cty liên doanh
3	Cty TNHH DV đại lý vận chuyển (FC Vietnam)	3,918,874,000	30%	Cty liên doanh
4	Cty TNHH Vận tải Việt – Nhật (Konoike Vina)	4,908,430,302	9.15%	Cty liên doanh
5	Cty TNHH Điều hành vận chuyển Hàng hóa Liên kết (LCM)	1,927,800,000	30%	Cty liên doanh
6	Cty CP Giao nhận Vận tải miền Trung (Vinatrans Danang)	4,392,000,000	27.89%	Cty liên kết
7	Cty CP Logistics Kim Thành	19,120,589,000	30%	Cty liên kết
8	Cty CP Vận chuyển Vinalink	2,000,000,000	40%	Cty liên kết

4. Định hướng phát triển

4.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

Trong bối cảnh thị trường giao nhận vận tải & logistics ngày càng phát triển và hội nhập nhanh với thị trường khu vực và thế giới, cạnh tranh ngày càng lớn, tính chuyên nghiệp ngày càng cao; hoạt động của công ty được tổ chức và thực hiện trên cơ sở các kết nối nội bộ, kết nối với các khách hàng, đối tác trong và ngoài nước để đạt mục đích là mang lại thành công cho tất cả.

Mục tiêu chủ yếu của Công ty là ổn định và phát triển các dịch vụ kinh doanh chủ lực, tìm kiếm cơ hội đầu tư, thường xuyên tìm kiếm và phát triển quan hệ kinh doanh với các đại lý nước ngoài, đảm bảo mục tiêu tăng trưởng hàng năm. Khai thác tốt các nguồn lực về vốn, nhân sự, đại lý, tập trung đầu tư và nâng cao chất lượng các dịch vụ cơ bản, sàng lọc loại bỏ các dịch vụ hiệu quả thấp.

4.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn.

- Tiếp tục củng cố giữ vững thị phần của các dịch vụ Đường biển, Hàng không quốc tế; chú trọng các dịch vụ logistics trọn gói và dự án, phát triển dịch vụ với thị trường Campuchia; dịch vụ vận chuyển và cung ứng nội địa.
- Củng cố các thị trường truyền thống và mở rộng thị trường mới.
- Tìm kiếm các cơ hội đầu tư trong lĩnh vực logistics.
- Nâng cao chất lượng, năng lực và tính chuyên nghiệp của nguồn nhân lực.

- Tăng cường công tác marketing và phát triển thương hiệu,
- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển kinh doanh và tăng năng suất lao động.
- Đầu tư :nghiên cứu và triển khai việc đầu tư kho bãi và văn phòng trong điều kiện mới cho phù hợp thực tế.

4.3. Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty.

- Phát triển dịch vụ tạo việc làm và thu nhập ổn định, tạo cơ hội phát triển cá nhân cho người lao động; xây dựng văn hóa công ty tạo môi trường làm việc thân thiện, hiệu quả, đóng góp tích cực vào các hoạt động xã hội xây dựng cộng đồng.
- Các hoạt động kinh doanh và dịch vụ đều khuyến khích người lao động tích cực có những hoạt động thiết thực góp phần bảo vệ môi trường : xử lý rác thải đúng quy định, tiết kiệm nhiên liệu, điện, nước.
- Đảm bảo tuân thủ các điều kiện vận chuyển và các yêu cầu cấp Giấy phép vận chuyển của Công ty và nhà thầu phụ trong hoạt động kinh doanh vận tải nhằm giảm thiểu rủi ro tai nạn đối với xe và hàng hóa, hạn chế sự cố gây hại cho môi trường.

4. **Rủi ro:**

Hoạt động kinh doanh dịch vụ logistics có những rủi ro như :

- Rủi ro từ chính sách, quy định luôn thay đổi nhưng không phải thay đổi nào cũng tạo thuận lợi hơn cho kinh doanh.
- Rủi ro từ khách hàng và đại lý trong việc thanh toán do phần lớn các dịch vụ được tiến hành trên cơ sở hợp đồng không có thể chấp.
- Chất lượng dịch vụ không ổn định của các bên liên quan dẫn đến không kiểm soát được chất lượng dịch vụ, làm gián đoạn các khâu trong chuỗi logistics, ảnh hưởng đến việc thanh toán hoặc hủy bỏ các hợp đồng dịch vụ.
- Các rủi ro trong kinh doanh bao gồm rủi ro từ các công cụ tài chính, rủi ro về nhân sự, rủi ro trong lưu thông với vận chuyển đường bộ, rủi ro do cạnh tranh không lành mạnh có nguy cơ tăng cao.
- Hạ tầng giao thông trong nước (đường bộ, đường sắt, đường biển, hàng không) phát triển chưa đồng bộ và chưa bắt kịp với tốc độ tăng trưởng của nhu cầu vận tải hàng hóa, làm tăng chi phí vận chuyển và kéo dài thời gian vận chuyển, ảnh hưởng đến chất lượng dịch vụ, chất lượng sản phẩm, môi trường và lợi nhuận của doanh nghiệp.

VINALINK - BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Chỉ tiêu	2019	2018	Tỉ lệ tăng / giảm
1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	899.914.942.172	941.689.646.426	95,56%
2. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	22.541.972.912	29.923.214.957	75,33%
3. Lợi nhuận khác	419.730.520	262.171.679	160,10%
4. Tổng lợi nhuận trước thuế	22.961.703.432	30.185.386.636	76,07%
5. Lợi nhuận sau thuế	18.788.001.902	24.371.699.088	77,09%
6. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.051	2.655	
7. Cổ tức	15%	20%	
8. Tỉ lệ lãi trước thuế /vốn điều lệ	25,51%	33,54%	
9. Tỉ lệ lãi sau thuế /vốn điều lệ	20,88%	27,08%	

Nguồn : Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019 (đã kiểm toán)

2. Tổ chức và nhân sự

a) Danh sách Ban Giám đốc

S T T	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ CP nắm giữ/VĐL	
			01/01/2019	31/12/2019
1	Ông Nguyễn Nam Tiến	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	1%	1%
2	Ông Vũ Quốc Bảo	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	0,67%	0,67%
3	Ông Đinh Quang Ngọc	Phó Tổng Giám đốc	0,13%	0,13%
4	Bà Nguyễn Anh Nam	Kế toán trưởng Cty	0,028%	0,028%

b) Thay đổi trong Ban Giám đốc : không

c) Tóm tắt lý lịch Ban Giám Đốc

<i>Họ và tên:</i>	NGUYỄN NAM TIẾN - Tổng Giám đốc
<i>Giới tính:</i>	Nam
<i>Ngày tháng năm sinh:</i>	06/02/1958
<i>Nơi sinh:</i>	Nam Định
<i>CMND:</i>	023132098 – cấp ngày 04/08/2005 tại CA TP. HCM
<i>Quốc tịch:</i>	Việt Nam
<i>Dân tộc:</i>	Kinh
<i>Quê quán:</i>	Nam Định
<i>Địa chỉ thường trú:</i>	111 Trần Minh Quyền, Q.10, TP. Hồ Chí Minh
<i>Số ĐT liên lạc:</i>	(84-28) 3991 9259
<i>Trình độ văn hóa:</i>	10/10
<i>Trình độ chuyên môn:</i>	Đại học Tài chính – Kế toán
Quá trình công tác	
+ 1980 -1982 là cán bộ giảng dạy tại Đại học Tài chính kế toán (Hà Nội)	
+ 1982-1985 thực hiện nghĩa vụ quân sự trong quân đội .	
+ 1985-1989 công tác tại Tổng Công ty Giao nhận Kho vận Ngoại thương (Vietrans) với chức danh Phó phòng Kế toán.	
+ 1989 -1999 công tác tại Công ty Giao nhận Kho vận Ngoại thương TP. Hồ Chí Minh (Vinatrans) với chức danh Phó phòng kế toán, Trưởng phòng Tổng hợp, Phó Giám đốc Công ty.	
+ 9/1999 đến nay là Giám đốc Công ty Vinalink, từ 4/2008 là Tổng Giám đốc theo quy định của Điều lệ mới (19/4/2008).	
<i>Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết:</i>	+ Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị + Tổng giám đốc
<i>Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:</i>	+Phó Chủ tịch HĐQT Cty TNHH F.C (Vietnam) +Phó Chủ tịch HĐQT Cty TNHH LCM (Vietnam) +Ủy viên HĐQT Cty cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung (Vinatrans Đà Nẵng). + Chủ tịch HĐQT Cty cổ phần Logistics Kim Thành + Chủ tịch HĐQT Cty cổ phần Vận chuyển Vinalink
<i>Số cổ phần nắm giữ :</i>	89.560 cổ phần, chiếm 1,00% vốn thực góp
<i>+ Đại diện sở hữu :</i>	Không
<i>+ Cá nhân sở hữu :</i>	89.560 cổ phần, chiếm 1,00% vốn thực góp
<i>Hành vi vi phạm pháp luật:</i>	Không
<i>Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:</i>	Không
<i>Họ và tên:</i>	VŨ QUỐC BẢO - Phó Tổng giám đốc
<i>Giới tính:</i>	Nam
<i>Ngày tháng năm sinh:</i>	31/12/1970
<i>Nơi sinh:</i>	Bình Định
<i>CMND:</i>	023650480 – cấp ngày: 27/05/2014, tại CA TPHCM

VINALINK - BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

<i>Quốc tịch:</i>	Việt Nam
<i>Dân tộc:</i>	Kinh
<i>Quê quán:</i>	Bình Định
<i>Địa chỉ thường trú:</i>	200/10 Nguyễn Trọng Tuyển, Phường 8, Quận Phú Nhuận, TPHCM
<i>Số ĐT liên lạc:</i>	(84-28) 3991 9259
<i>Trình độ văn hóa:</i>	12/12
<i>Trình độ chuyên môn:</i>	Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh

Quá trình công tác:

Từ 1993 - 2004: Công tác tại công ty Vinatrans

Từ 2004 - 2010: Công tác tại công ty hãng tàu RCL Việt Nam – Phó Tổng Giám Đốc

Từ 2010 – nay: Công tác tại công ty CP Logistics Vinalink – Phó Tổng Giám Đốc

Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Phó Tổng giám đốc

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: + Ủy viên HĐQT Công ty TNHH FC (Vietnam)
+ Ủy viên HĐQT Công ty TNHH LCM (Vietnam)

Số cổ phần nắm giữ: 60.000 cổ phần, chiếm 0,67% vốn thực góp

+ *Đại diện sở hữu:* Không

+ *Cá nhân sở hữu:* 60.000 cổ phần, chiếm 0,67% vốn thực góp

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

<i>Họ và tên:</i>	ĐINH QUANG NGỌC - Phó Tổng giám đốc
<i>Giới tính:</i>	Nam
<i>Ngày tháng năm sinh:</i>	29/09/1976
<i>Nơi sinh:</i>	Hải Phòng
<i>CMND:</i>	012295821 – cấp ngày: 27/02/2003, tại CA TP. Hà Nội
<i>Quốc tịch:</i>	Việt Nam
<i>Dân tộc:</i>	Kinh
<i>Quê quán:</i>	Hà Nội
<i>Địa chỉ thường trú:</i>	10/170 Ngõ 194 Đội Cấn, Ba Đình, Hà Nội
<i>Số ĐT liên lạc:</i>	(024) 37724234
<i>Trình độ văn hóa:</i>	12/12
<i>Trình độ chuyên môn:</i>	Đại học Ngoại thương, Cao học Quản trị Kinh doanh (Úc)

Quá trình công tác

+ 1999 – 2005 công tác tại Công ty Vinatrans Hà Nội với chức danh Trưởng phòng Nhập Đường Biển.

+ 2005 - đến nay công tác tại Công ty Vinalink với chức danh Giám đốc chi nhánh Hà Nội.

+ 03/2008 – đến nay công tác tại Công ty Vinalink với chức danh Phó Giám Đốc Công ty (nay là Phó Tổng Giám đốc theo quy định của Điều lệ mới).

Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Phó Tổng giám đốc

VINALINK - BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:

Số cổ phần nắm giữ :	11.640 cổ phần, chiếm 0,13% vốn thực góp
+ Đại diện sở hữu :	Không
+ Cá nhân sở hữu :	11.640 cổ phần, chiếm 0,13% vốn thực góp
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không

Họ và tên:	NGUYỄN ANH NAM – Kế toán trưởng
Giới tính:	Nữ
Ngày tháng năm sinh:	13/05/1978
Nơi sinh:	Nha Trang – Khánh Hòa
CMND:	225587728 cấp ngày 04/12/2012 tại CA tỉnh Khánh Hòa
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Địa chỉ thường trú:	214/7 Trần Quý Cáp, Phường Sài, Nha Trang, Khánh Hòa
Số ĐT Công ty:	(84-28) 38255389
Trình độ chuyên môn:	Đại học Kinh tế chuyên ngành Kế toán Kiểm toán

Quá trình công tác

- + Từ 01/01/2005 đến 31/12/2011 : Nhân viên Phòng Kế toán Công ty CP Logistics Vinalink.
- + Từ 01/01/2012 đến 31/08/2015 : Phó Trưởng phòng Kế toán Công ty CP Logistics Vinalink

Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Kế toán trưởng

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Thành viên Ban Kiểm soát Công ty CP Giao nhận Vận tải Miền Trung (Vinatrans Đà Nẵng)

Tổng số cổ phần nắm giữ (tại thời điểm xxx) : 2500 cổ phần, chiếm 0.028 % vốn thực góp

+ Đại diện sở hữu :	Không
+ Cá nhân sở hữu :	2500 cổ phần, chiếm 0.028 % vốn thực góp
Hành vi vi phạm pháp luật :	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không

- Những thay đổi trong ban điều hành: Không

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

Số liệu theo Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019 (đã kiểm toán)

- Các khoản đầu tư lớn: không phát sinh

VINALINK - BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

b) Các công ty con, công ty liên kết:

ST T	Tên công ty	Vốn đầu tư	Tỷ lệ /VDL	Lợi nhuận cho Vinalink 2019	Lợi nhuận cho Vinalink 2018	TL tăng giảm
1	Cty TNHH Logistics Vinalink (Cambodia)	526.750.000	100%	59.736.110	502.353.576	11,89%
				# USD 2.571,95	# USD 21.798,81	11,80%
2	Cty TNHH RCL Việt Nam	946.800.000	20%	81.845.739	523.087.928	15,65%
3	Cty TNHH DV đại lý vận chuyển (FC Vietnam)	3.918.874.000	30%	515.224.777	501.903.449	102,65%
4	Cty TNHH Vận tải Việt – Nhật (Konoike Vina)	4.908.430.302	9,15%	1.232.722.128	1.151.001.054	107,10%
5	Cty TNHH Điều hành vận chuyển Hàng hóa Liên kết (LCM)	1.927.800.000	30%	3.552.612.437	2.784.488.578	127,59%
6	Cty CP Giao nhận Vận tải miền Trung (Vinatrans Danang)	4.392.000.000	27,89%	1.158.819.827	879.678.159	131,73%
7	Cty CP Logistics Kim Thành	19.120.589.000	30%	(1.599.656.841)	(990.886.161)	161,44%
8	Cty CP Vận chuyển Vinalink	2.000.000.000	40%	609.591.309	359.460.971	169,58%

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu (ĐVT : triệu đồng)	Năm 2019	Năm 2018	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	340.901.482.094	354.157.345.032	96,26%
Doanh thu thuần	899.914.942.172	941.689.646.426	95,56%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	22.541.972.912	29.923.214.957	75,33%
Lợi nhuận khác	419.730.520	262.171.679	160,10%
Lợi nhuận trước thuế	22.961.703.432	30.185.386.636	76,07%
Lợi nhuận sau thuế	18.788.001.902	24.371.699.088	77,09%
TL lợi nhuận trả cổ tức (cổ tức chi trả/ lợi nhuận sau thuế)	72%	55%	129,72%

VINALINK - BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2018	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	2.83	2.68	Lần
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn			
+ Hệ số thanh toán nhanh:	2.83	2.68	
<u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u>			
Nợ ngắn hạn			
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	37,97%	40,42%	%
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	61,22%	67,85%	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho:			
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân			
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	2.64	2.66	Lần
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	2.09%	2.59%	%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	8.89%	11.55%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	5.51%	6.88%	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	2.34%	2.24%	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

a) Cổ phần:

Tổng số cổ phần đang niêm yết : 9.000.000 cổ phần

Tổng số cổ phần đang lưu hành : 9.000.000 cổ phần

Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do : 9.000.000 cổ phần

b) Cơ cấu cổ đông:

Số liệu theo danh sách cổ đông chốt ngày 30/03/2020

Cổ đông trong nước : Tổng số 429 cổ đông, sở hữu 90.86% cổ phần VNL

- Cá nhân : 421, sở hữu 71.50 % cổ phần VNL
- Tổ chức : 08, sở hữu 19.36 % cổ phần VNL

STT	Danh mục	Cổ phiếu nắm giữ	
		Số lượng	Tỷ lệ
1	Cổ đông sở hữu trên 5% CP (2)	977,540 CP	10.86%
2	Cổ đông sở hữu từ 1% đến 5% CP (16)	2,848,970 CP	31.66 %
3	Cổ đông sở hữu dưới 1% CP (411)	4,351,170 CP	48.35 %
	Tổng cộng	8,177,680 CP	90.87 %

VINALINK - BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

Cổ đông ngoài nước : Tổng số 26 sở hữu 9.14 % cổ phần VNL

- Cá nhân : 17, sở hữu 3.64 % cổ phần VNL
- Tổ chức : 9, sở hữu 5.50 % cổ phần VNL

STT	Danh mục	Cổ phiếu nắm giữ	
		Số lượng	Tỷ lệ
1	Cổ đông sở hữu trên 5% CP (0)	0	0%
2	Cổ đông sở hữu từ 1% đến 5% CP (3)	598,850 CP	6.66 %
3	Cổ đông sở hữu dưới 1% CP (23)	223,460 CP	2.48 %
	Tổng cộng	822,310 CP	9.14 %

Thông tin về cổ đông nắm giữ trên 5% VDL:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số CP sở hữu	Tỷ lệ
1	Cty CP Giao nhận Vận tải Ngoại thương	2 Bích Câu, Đống Đa, Hà Nội	505,540 CP	5.62%
2	Công ty Cổ phần Đầu Tư Toàn Việt	56 Phạm Ngọc Thạch, P.6, Q.3, TP.HCM	472,000 CP	5.24%

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: *không phát sinh*

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: *không phát sinh*

e) Các chứng khoán khác: nêu các đợt phát hành chứng khoán khác đã thực hiện trong năm :

không phát sinh.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

Công ty kinh doanh dịch vụ, không sản xuất nên không sử dụng nguyên vật liệu.

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp.

TIÊU THỤ ĐIỆN (Kwh)	2019	2018
- Văn phòng :	112.900	220.000
- Dịch vụ Kho - Bãi :	0	70.000

Công ty chuyển sang địa điểm làm việc mới từ tháng 1/2020, chỉ có văn phòng, không có kho bãi nên không phát sinh tiêu thụ điện của Kho-Bãi.

b) Các sáng kiến tiết kiệm năng lượng áp dụng cho năm 2019 :

- Chỉ sử dụng đèn thấp sáng tại khu vực đang làm việc. Luôn đóng kín các cửa ra vào, cửa sổ để tránh thoát nhiệt.
- Trước khi ra về, nhân viên phải tắt các thiết bị sử dụng điện: máy tính, đèn chiếu sáng, máy điều hòa nhiệt độ, ...

- Với những thiết bị điện tử, văn phòng: lưu ý chọn mua các thiết bị văn phòng như máy tính, máy photocopy, máy in... có hiệu suất năng lượng cao. Định kỳ thay thế, bảo dưỡng và làm vệ sinh các thiết bị văn phòng. Lựa chọn vật liệu áp dụng công nghệ cách nhiệt mới khi thay thế trần và tường cách nhiệt trong văn phòng.
- Thường xuyên nhắc nhở CB-NV đưa ra những sáng kiến, cải cách để tiết kiệm năng lượng.

6.3. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng :

Nguồn cung cấp nước : Công ty Cấp nước Sài Gòn

TIÊU THỤ NƯỚC	2019	2018
- Văn phòng :	1,053	3,312
- Dịch vụ Kho - Bãi :	0	3,312

Công ty chuyển sang địa điểm làm việc mới từ tháng 1/2020, chỉ có văn phòng, không có kho bãi nên không phát sinh tiêu thụ nước của Kho-Bãi. Diện tích văn phòng nhỏ hơn nên khối lượng nước tiêu thụ ít hơn.

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

Là doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ, Công ty luôn quan tâm đến việc tuân thủ các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và thực hiện theo hướng dẫn của các cơ quan quản lý môi trường địa phương. Công ty đề ra một số giải pháp để việc bảo vệ môi trường ngày càng tốt hơn :

- Tiết kiệm giấy, hạn chế in nếu không cần, tận dụng giấy hai mặt cho các tài liệu lưu nội bộ.
- Phân loại rác thải trước khi chuyển ra đơn vị thu gom rác của địa phương.
- Nước thải tập trung vào hệ thống thoát nước thành phố.
- Định kỳ kiểm tra kỹ thuật máy móc thiết bị, máy lạnh, các thiết bị điện, thường xuyên vệ sinh văn phòng, kho bãi và phương tiện vận chuyển.
- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân kho.
- Trồng cây xanh trong khuôn viên.
- Tuyên truyền, phổ biến và nhắc nhở CB-NV về ý thức tiết kiệm điện, nước, nhiên liệu, bảo vệ môi trường trong nội bộ doanh nghiệp.

Trong năm 2019 Công ty không bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường.

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động.

Số lao động : 343 người (trụ sở chính TPHCM, chi nhánh Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng & Quy Nhơn)

Mức lương tối thiểu : 4.200.000 đ / tháng

Mức lương trung bình : 11.000.000 đ / tháng

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động.

Các chính sách lao động áp dụng cho người lao động của Công ty :

- Thực hiện chế độ, chính sách với NLD theo đúng quy định của pháp luật (Hợp đồng lao động, chế độ BHXH-BHYT-BHTN).

VINALINK - BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

- Xây dựng nội quy, quy chế bảo vệ đơn vị, bảo vệ bí mật kinh doanh. Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương và Công An trong công tác đảm bảo an ninh, trật tự và phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội trên địa bàn.
- Định kỳ thực hiện đối thoại giữa Người sử dụng lao động và Người lao động thông qua Công đoàn để kịp thời nắm bắt tâm tư, nguyện vọng, nhu cầu và ý kiến đóng góp của NLD, qua đó điều chỉnh chính sách lao động phù hợp để NLD yên tâm làm việc và gắn bó với Công ty.
- Chăm sóc sức khỏe : hàng năm tổ chức khám sức khỏe tổng quát và làm một số xét nghiệm chuyên khoa bổ sung cho NLD nam và nữ.
- Đảm bảo an toàn : cung cấp trang phục và phương tiện bảo hộ lao động theo tính chất công việc. Công ty thực hiện đầy đủ các quy định, nội quy về công tác an toàn vệ sinh lao động và phòng cháy chữa cháy. Thường xuyên cử nhân viên tham gia các buổi tập huấn các quy định về an toàn vệ sinh lao động. Định kỳ tự kiểm tra, nhắc nhở CBNV thực hiện các biện pháp an toàn lao động tại các phòng ban.
- Bảo hiểm tai nạn 24/24 cho NLD.
- Chi phí đồng phục, nghỉ mát hàng năm.
- Chăm lo cho con CBNV vào các dịp Ngày Thiếu Nhi 1/6, Tết Trung Thu, phần thưởng cho học sinh giỏi vào cuối năm học
- Các hoạt động chào mừng ngày phụ nữ 8/3, 20/10.
- Tích cực tạo điều kiện cho nhân viên tham gia các phong trào Hội thi văn nghệ, Hội thao do Công đoàn Khối TMTW và Hiệp hội Logistics tổ chức.

c) Hoạt động đào tạo người lao động

Công ty khuyến khích nhân viên làm chủ việc học tập để làm việc tốt hơn, nâng cao năng lực bản thân và có cơ hội phát triển nghề nghiệp.

Nhân viên có thể tìm thấy những cơ hội học tập đa dạng tại Vinalink để nâng cao năng lực bản thân và phát triển nghề nghiệp :

- o Học nghiệp vụ chuyên môn và các kỹ năng ngay trong công việc
- o Huấn luyện, chỉ dẫn, tư vấn từ cấp trên;
- o Tham gia vào những dự án
- o Tham khảo ý kiến từ những chuyên gia;
- o Tham gia các nhóm làm việc
- o Học hỏi từ đồng nghiệp.
- o Các cơ hội học tập và phát triển kỹ năng khác :Hoán chuyển công việc; thăm đại lý nước ngoài, khảo sát thị trường, thăm khách hàng; các khoá học theo chủ đề, hội thảo, hội nghị; các chương trình đào tạo chính quy...

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.

Từ khi thành lập đến nay, đội ngũ CBNV Công ty Vinalink luôn có tinh thần trách nhiệm và tích cực tham gia những hoạt động thiết thực thể hiện trách nhiệm xã hội và cộng đồng của Doanh Nghiệp.

Trong năm 2019, Công đoàn Cty tham gia vận động đóng góp cho Quỹ người nghèo tại Công đoàn Khối Doanh nghiệp TM TW tại TPHCM, số tiền 12.940.000 đồng.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1) Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

1.1. Kết quả kinh doanh năm 2019

ĐVT : tỉ đồng

Chỉ tiêu	2019	2018	%
Tổng Doanh thu:	884	927	95 %
Lãi trước thuế:	20.63	29,6	70 %
Lãi sau thuế:	16.62	23,9	70 %
% lãi trước thuế / vốn điều lệ	23%	32,9%	
% lãi sau thuế /vốn điều lệ	18.50%	26,6%	

Nguồn : BCTC riêng năm 2019

1.2. Một số tình hình cơ bản:

Tình hình và kết quả kinh doanh năm 2019 có một số điểm nổi bật như sau:

Về kết quả:

Số liệu kết quả kinh doanh giảm so với năm 2018 do một số yếu tố sau:

- Dịch vụ vận chuyển hàng quá cảnh đi Campuchia : do tình hình kẹt cửa khẩu kéo dài phát sinh chi phí làm giảm hiệu quả kinh doanh; Công ty đã chủ động giảm, chỉ giữ lại khoảng 30% khối lượng dịch vụ so với năm 2018;
- Dịch vụ Kho – Bãi : dừng dịch vụ kinh doanh kho bãi tại 145-147 Nguyễn Tất Thành Quận 4 sau khi bàn giao hiện trạng cơ sở kho bãi văn phòng cho đối tác theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh.
- Chi phí khấu hao tài sản cố định với văn phòng làm việc tăng 10 lần sau khi đưa văn phòng 226/2 Lê Văn Sỹ Q. Tân Bình vào sử dụng từ đầu năm 2019.
- Lãi từ hoạt động đầu tư, tài chính bao gồm lợi nhuận được chia từ cty Liên doanh liên kết, lãi tiền gửi ngân hàng, chênh lệch tỷ giá giảm 38% so với năm trước.

Về tình hình kinh doanh :

1. Năm 2019 tình hình kinh tế trong nước ổn định và có tăng trưởng cao hơn năm trước song thị trường giao nhận vận tải tiếp tục cạnh tranh gay gắt với sự tham gia ngày càng nhiều và sâu của các doanh nghiệp nước ngoài, có nhiều doanh nghiệp mới trong nước tham gia. Các quy định mới của Nhà nước trong lĩnh vực vận tải, hải quan ..., tình hình tắc nghẽn đường, cảng, sân bay, cửa khẩu tiếp tục diễn biến phức tạp làm phát sinh nhiều chi phí, mặt khác do phương tiện vận tải của công ty chỉ đáp ứng được khoảng 35% nhu cầu nên không chủ động được việc cắt giảm chi phí, làm cho mức lãi gộp trên đơn vị doanh thu giảm.

VINALINK - BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

Yếu tố tích cực : dịch vụ Hàng không tăng khá (trên 20%); dịch vụ đường biển ổn định; các Chi nhánh Hà Nội, Hải Phòng có kết quả kinh doanh tốt hơn năm 2018 tuy quy mô không lớn. .

2. Thực hiện phương hướng nhiệm vụ kế hoạch năm 2019 do ĐHĐCĐ thường niên thông qua, trong năm công ty đã tập trung củng cố và phát triển các dịch vụ chủ yếu truyền thống là airfreight và seafreight, duy trì ổn định các sản phẩm hàng consol đường biển trong tình hình cạnh tranh gay gắt, kết hợp box xuất với box nhập trong quan hệ với đại lý. Tiếp tục tập trung phát triển thị trường khu vực Đông Á với nhiều đại lý và sản phẩm khách hàng mới có kết quả tích cực. Trong nước công ty đã tập trung củng cố dịch vụ kho, xe vận tải ... đã được khai thác có hiệu quả với hầu hết công suất hiện có. Dịch vụ Khối Hàng không trong năm phát triển khá tốt về kết quả kinh doanh cũng như phạm vi dịch vụ và cơ cấu khách hàng tiếp tục là một điểm sáng trong hoạt động năm 2019 của Công ty.
3. Công tác tổ chức và quản lý kinh doanh trong năm được tiếp tục hoàn thiện các quy chế, quy định, quy trình nghiệp vụ cho phù hợp với thực tế; tăng cường chất lượng dịch vụ, quản lý công nợ chặt chẽ, tăng cường hoạt động động giữ khách hàng và sản phẩm dịch vụ. Tiếp tục hoàn thiện khoản thu nhập theo kết quả kinh doanh góp phần thúc đẩy hiệu quả công việc, ổn định đội ngũ nhân sự.
 - Đã triển khai phần mềm nghiệp vụ mới VMS tại TPHCM và các CN Hải Phòng, Đà Nẵng góp phần tích cực cho công tác nghiệp vụ và quản lý.
 - Từ đầu năm 2019 công ty đã tiến hành di dời và triển khai hoạt động tại văn phòng mới (226/2 Lê Văn Sỹ, Phường 1, Quận Tân Bình, TPHCM).
 - Trong năm công ty cũng đã tổ chức thành công các hoạt động kỷ niệm 20 năm thành lập công ty, tăng cường thêm việc kết nối nội bộ, truyền thống văn hóa đoàn kết của tập thể CBNV công ty, kết nối các khách hàng và đại lý lớn tạo cơ sở tốt hơn cho việc phát triển kinh doanh cho thời gian sau.
 - Năm 2019 công ty tiếp tục được đánh giá xếp hạng trong top 500 công ty cổ phần lớn nhất Việt Nam bởi VNR.

Một số hạn chế:

- + Các khách hàng lớn có nguồn dịch vụ quy mô lớn và ổn định chưa nhiều (nhất là các chi nhánh). Hệ thống đại lý chưa mạnh và có nhiều thay đổi ở một số thị trường nên ảnh hưởng tới tính cạnh tranh, việc khai thác nguồn lực từ các đại lý còn hạn chế.
- + Về nhân sự, tổ chức và quản lý: việc tuyển dụng bổ sung mới có nhiều khó khăn, nhất là nguồn cho chức danh sales và cán bộ quản lý chủ chốt, chất lượng còn hạn chế.
- + Cơ sở vật chất thiếu kho tàng ở vị trí phù hợp và phương tiện vận chuyển cơ giới làm cơ sở để chào bán dịch vụ cho những khách hàng lớn, nhất là dịch vụ logistics – dịch vụ chuỗi cung ứng,
- + Hoạt động kinh doanh của chi nhánh Hà Nội chưa ổn định, tổ chức điều hành hiệu quả chưa cao.
- + Chưa có nhiều đột phá trong thay đổi sản phẩm dịch vụ và đầu tư, chưa có sản phẩm dịch vụ mới ổn định.

Kết quả thực hiện các nội dung chủ yếu của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 :

- a) Về hoạt động kinh doanh: như báo cáo phần trên đã nêu. Thực hiện việc chi cổ tức năm 2019 là 1.500 đồng /cổ phần.

VINALINK - BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

- b) Tiếp tục hoàn thiện và sắp xếp lại tổ chức nhân sự, bộ máy kinh doanh, hình thành các Khối dịch vụ, tạo bộ máy chủ động và tập trung phát triển dịch vụ ở từng Khối, thống nhất quy trình kiểm soát chặt chẽ hơn quá trình thực hiện dịch vụ.
- c) Việc chuẩn bị đầu tư văn phòng, kho bãi mới thay thế cơ sở hiện tại: đã thực hiện đầu tư mua tòa nhà làm văn phòng mới công ty tại 226/2 Lê Văn Sỹ, phường 1, Quận Tân Bình và đã chuyển hoạt động của văn phòng chính công ty về địa chỉ mới từ tháng 01/2019. Về kho bãi đã chuyển các dịch vụ kho bãi về cơ sở thuê tại khu vực kho bãi tại Sóng Thần (Bình Dương), bước đầu đáp ứng khá tốt các yêu cầu của chủ hàng và đại lý về các dịch vụ được cung cấp.
- d) Đã tiến hành thành lập và triển khai hoạt động các chi nhánh tại Đà Nẵng và Quy Nhơn.
- e) Chưa thực hiện được việc thoái vốn tại một số công ty liên kết có hiệu quả không cao.
- f) Chưa thực hiện được việc đầu tư mua thêm đầu xe cont và xe tải đáp ứng cho nhu cầu kinh doanh.

2) Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm	%
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	227.588.929.133	240.099.086.366	94,79%
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	87.566.112.659	92.071.186.464	95,11%
TỔNG CỘNG	315.155.041.792	332.170.272.830	94,88%

b) Tình hình nợ phải trả

Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm	%
A. Nợ ngắn hạn	79.065.814.164	89.222.280.976	88,62%
B. Nợ dài hạn	47.305.000.000	52.305.000.000	90,44%
TỔNG CỘNG	126.370.814.164	141.527.280.976	89,29%

c) Tình hình các khoản phải thu :

Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm	%
A. Các khoản phải thu ngắn hạn	157.738.518.320	189.967.204.561	83,03%
B. Các khoản phải thu dài hạn	2.392.461.000	6.273.581.000	38,14%
TỔNG CỘNG	160.130.979.320	196.240.785.561	81,60%

Các khoản phải thu dài hạn giảm nhiều là do thu hồi được khoản ứng trước 60% giá trị hợp đồng cho Công ty CP Đầu Tư Xây dựng Hiệp Phước Khánh (về việc thực hiện dịch vụ chuyển nhượng quyền sử dụng đất, xin giấy phép đầu tư xây dựng kho bãi và nhà xưởng tại Xã Phước Hòa, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu).

Các khoản phải thu và phải trả hầu hết là các khoản nợ phát sinh trong quá trình thực hiện dịch vụ và trong thời hạn thỏa thuận trong sự kiểm soát của Công ty.

Công ty không có các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Tiếp tục hoàn thiện và sắp xếp lại tổ chức nhân sự, bộ máy kinh doanh, hình thành các Khối dịch vụ, tạo bộ máy chủ động và tập trung phát triển dịch vụ ở từng Khối, thống nhất quy trình kiểm soát chặt chẽ hơn quá trình thực hiện dịch vụ.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Phương hướng nhiệm vụ và chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu năm 2020

Về kinh doanh và đầu tư

Tình hình kinh tế nói chung và hoạt động xuất nhập khẩu năm 2020 có nhiều yếu tố đặc biệt xuất hiện từ đầu năm là dịch bệnh Covid -19 hoành hành ở VN và trên toàn thế giới, ảnh hưởng nghiêm trọng đến việc kinh doanh và mọi mặt của đời sống xã hội. Các chuỗi cung ứng bị đứt gãy, hoạt động vận tải hàng không suy giảm nghiêm trọng; các hoạt động vận tải khác cũng bị suy giảm lớn do việc tiến hành các biện pháp chống dịch, cách ly xã hội ... của chính phủ; các nước cũng đề tiến hành việc phong tỏa quốc gia. Các rủi ro trong kinh doanh bao gồm rủi ro từ công nợ, rủi ro về nhân sự, rủi ro trong lưu thông với vận chuyển đường bộ nguy cơ tăng cao tác động nghiêm trọng đến dòng tiền hoạt động, việc tổ chức điều hành kinh doanh ...

Trong bối cảnh chung như vậy mục tiêu nhiệm vụ kinh doanh chủ yếu năm 2020 là:

- Thực hiện nghiêm các biện pháp phòng chống dịch Covid-19 theo chỉ đạo của chính phủ, đồng thời tập trung thực hiện mọi biện pháp phù hợp để duy trì kinh doanh; tiếp tục cung cấp dịch vụ phù hợp cho khách hàng, khai thác các cơ hội mới để bù lại các dịch vụ truyền thống, cố gắng giảm thiểu thiệt hại, chuẩn bị sẵn sàng cho việc khôi phục dịch vụ sau dịch.
- Phân đầu tiếp tục ổn định các mặt hoạt động, thực hiện các biện pháp linh hoạt. tranh thủ khai thác các nguồn thu có thể, cố gắng đảm bảo kết quả kinh doanh trực tiếp (bao gồm cả thu từ sử dụng vốn ngắn hạn) không giảm hơn 15% so với năm 2019;
- Ổn định các mảng Hàng không, hàng nhập, hàng xuất đường biển, tập trung phát triển dịch vụ Logistics (kể cả dịch vụ nội địa và tại thị trường Campuchia, Lào);
- Tập trung tiếp tục củng cố hoạt động của các chi nhánh, nhất là Chi nhánh Hà Nội; tìm kiếm và phát triển các sản phẩm dịch vụ mới nhằm đa dạng hóa kinh doanh bảo đảm nguồn thu.

Chỉ tiêu chủ yếu :

- Tổng Doanh thu :	750 tỷ VND
- Lãi trước thuế :	17 tỷ VND
- Cổ tức :	1.200 đồng/cổ phần

Một số biện pháp chung:

- + Thực hiện tốt có hiệu quả các biện pháp phòng chống dịch, tổ chức lại phương thức làm việc, kết hợp làm việc trực tiếp tại văn phòng với làm việc từ xa vừa bảo vệ được CBNV vừa tập trung ổn định sản phẩm dịch vụ, giữ vững hệ thống đại lý và tăng cường hiệu quả hoạt động của tổ chức bộ máy quản lý và kinh doanh, sẵn sàng cho việc khôi phục và phát triển dịch vụ sau dịch là nhiệm vụ trọng tâm của năm 2020.
- + Trong đó, tiếp tục triển khai các biện pháp để ổn định và nâng cao hiệu quả dịch vụ: tiếp tục hoàn thiện cơ cấu tổ chức quản lý, quy trình quản lý và nghiệp vụ; tập trung củng cố chấn chỉnh bộ máy tổ chức quản lý, bổ sung nhân sự quản lý lãnh đạo; giải quyết tình hình công nợ tồn đọng; tiếp tục hoàn thiện nâng cao hiệu quả quản lý tổ chức kinh doanh của các dịch vụ tại TP.HCM, triển khai mở

- rộng các dịch vụ của Vinalink ở nước ngoài; rà soát lại trình độ, năng suất làm việc của đội ngũ nhân viên; đẩy mạnh hoạt động bán dịch vụ.
- + Về mặt kinh doanh : tiếp tục củng cố giữ vững thị phần của các dịch vụ Đường biển và Hàng không quốc tế; chú trọng các dịch vụ logistics của các dự án nhà máy lớn, dịch vụ vận chuyển và cung ứng nội địa; triệt để cắt giảm các chi phí hành chính quản lý, thực hiện cơ chế chi trả lương, thưởng ... gắn với kết quả kinh doanh trong phạm vi toàn công ty với các hình thức phù hợp cho từng chức danh; triển khai các biện pháp nâng cao chất lượng dịch vụ cùng với các hình thức khuyến mãi dịch vụ ... để giữ và tăng lượng dịch vụ. Tiếp tục tăng cường thực hiện đào tạo cho cán bộ quản lý và nhân viên.
 - + Tập trung củng cố, nâng cao hiệu quả quản lý và kinh doanh, tăng cường và hoàn thiện cơ cấu tổ chức và nhân sự quản lý của các chi nhánh, nhất là chi nhánh Hà Nội,
 - + Tiếp tục hoàn thiện phần mềm nghiệp vụ và quản lý mới – phần mềm VMS để nâng cao hiệu quả quản lý và chất lượng dịch vụ.
 - + Tăng cường hơn cho công tác marketing ở phạm vi công ty tạo môi trường cho việc bán dịch vụ ở các đơn vị, với các hình thức thích hợp như quảng cáo, quan hệ khách hàng và đối tác; tiếp tục củng cố các mối quan hệ đối tác với các đại lý ở các khu vực và tìm kiếm các đối tác mới.
 - + Khai thác nguồn lực từ các cổ đông trong hợp tác dịch vụ, phát triển khách hàng, tăng cường nhân sự có kinh nghiệm, ... tạo ra nguồn phát triển dịch vụ mới.
 - + Đầu tư mua sắm thay thế 5 xe vận tải, 15 rơ-moóc, thay thế cho số thanh lý và bổ sung phương tiện vận tải, giá trị đầu tư 12 tỷ đồng.
 - + Chủ động khai thác tạo nguồn thu từ việc sử dụng vốn ngắn hạn. Tìm kiếm, hợp tác khai thác các cơ hội kinh doanh khác khi có điều kiện phù hợp với các quy định của pháp luật.
 - + Giao cho HĐQT quyết định việc thoái vốn tại các công ty đã đầu tư trên cơ sở đảm bảo tính hiệu quả trong việc sử dụng vốn theo nguyên tắc chào bán công khai và cạnh tranh phù hợp với nhu cầu sử dụng vốn .
 - + Giao cho HĐQT trên cơ sở cân đối vốn hợp lý quyết định việc mua lại không quá 10% cổ phiếu của công ty để làm cổ phiếu quỹ nhằm đảm bảo ổn định giá cổ phiếu, tạo nguồn cổ phiếu làm cơ sở hợp tác với cổ đông chiến lược và thực hiện chính sách nhân sự (khi có nhu cầu).
 - + Hợp tác chặt chẽ cùng các đối tác củng cố và nâng cao hiệu quả hoạt động của các công ty liên doanh.
 - + Tiếp tục hoàn thiện tiếp việc xây dựng hệ thống nhận diện và thương hiệu công ty .

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

Công ty kiểm toán đồng ý toàn bộ với Báo cáo Tài chính năm 2019 của Vinalink.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

a) Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...).

Là doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ, Công ty luôn quan tâm đến việc tuân thủ các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và thực hiện theo hướng dẫn của các cơ quan quản lý môi trường địa phương. Các giải pháp đã triển khai cho toàn thể CBNV thực hiện giúp xây dựng nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho CBNV, tiết kiệm chi phí điện – nước, đảm bảo an toàn lao động, tạo ra môi trường làm việc xanh, sạch, an toàn, đóng góp hiệu quả vào hoạt động bảo vệ môi trường chung.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

VINALINK - BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

Việc quản trị nguồn nhân lực của Công ty có một số đặc điểm sau :

- Chất lượng đội ngũ nhân lực : trong những năm gần đây các trường Đại học, Cao đẳng đầu tư hơn về chương trình học, gắn với thực tế đối với các chuyên ngành xuất nhập khẩu, kinh doanh quốc tế, Logistics và vận tải đa phương thức, do vậy có thể đáp ứng nhu cầu về nguồn nhân lực có kiến thức căn bản về chuyên ngành cho các doanh nghiệp. Về ngoại ngữ, đội ngũ nhân lực trẻ ngày càng có trình độ tiếng Anh tốt, có thể xử lý các yêu cầu trong giao dịch với đối tác nước ngoài.

- Thách thức trong quản trị nhân sự :

Kể từ năm 2014, khi Việt Nam thực hiện cam kết mở cửa thị trường dịch vụ logistics sau khi gia nhập WTO thì số lượng các công ty nước ngoài trong lĩnh vực này mở ra tại Việt Nam ngày càng nhiều, thu hút nhiều nhân lực có trình độ và kinh nghiệm từ các công ty Việt Nam bằng cách nâng mức lương lên cao hơn nhiều. Đội ngũ CBNV hầu hết khá năng động, tự tin, có mong đợi cao và cụ thể về sự phát triển trong nghề nghiệp như thăng tiến, lương và phúc lợi, môi trường làm việc thân thiện và thoải mái. Họ thường xuyên tìm kiếm những cơ hội việc làm có thu nhập tốt hơn, sẵn sàng nhảy việc khi có cơ hội.

Để đảm bảo tạo môi trường làm việc thuận lợi, tăng cường tính gắn kết cho nhân viên công ty, Ban Giám đốc luôn theo dõi tình hình nhân sự, chính sách lương và phúc lợi linh hoạt cho nhân viên, khen thưởng kịp thời, tạo điều kiện cho nhân viên có cơ hội học hỏi, phát triển, cân bằng giữa công việc – gia đình, tăng cường tinh thần đồng đội và sự gắn kết của nhân viên thông qua các hoạt động tập thể, các buổi dã ngoại, tham gia các hoạt động giao lưu văn nghệ - thể thao của Công ty, Công đoàn Khối Bộ Công Thương và Hiệp hội Logistics VLA tổ chức.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương
Trách nhiệm với cộng đồng địa phương và tham gia các chương trình từ thiện xã hội là truyền thống của Vinalink từ khi thành lập đến nay. Ban Giám đốc, Công đoàn Công ty và đội ngũ CBNV Vinalink luôn có tinh thần trách nhiệm và tích cực tham gia. Thông qua các hoạt động này, toàn thể CBCNV Công ty mong muốn gìn giữ và phát triển tinh thần trách nhiệm với cộng đồng, "lá lành đùm lá rách", là một nét đẹp trong văn hóa sống và kinh doanh không thể thiếu của người Việt. Việc tham gia các hoạt động từ thiện thiết thực và ý nghĩa, không chỉ mang lại niềm vui cho đồng bào nghèo, khó khăn mà còn mang lại sự tự hào và gắn kết của đội ngũ nhân viên toàn Công ty.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

HĐQT Công ty đã thực hiện tốt công tác quản trị doanh nghiệp, thực hiện các chỉ tiêu kinh doanh ổn định (sau loại trừ) được Đại hội đồng cổ đông thường niên giao. Trong năm 2019, ngoài các phiên họp chính thức, HĐQT đã tiến hành lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua nhiều quyết định và nội dung quản trị. HĐQT đã triển khai các nhiệm vụ được giao và đạt được những kết quả cụ thể trong hoạt động.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty

- HĐQT đánh giá cao nỗ lực của Ban Giám đốc Công ty đã điều hành hoạt động kinh doanh năm 2019 trong điều kiện tình hình kinh tế trong nước và thế giới có nhiều khó khăn, biến động phức tạp, phát sinh nhiều yếu tố mới ảnh hưởng tăng chi phí, giảm doanh thu nhưng Công ty đã cố gắng thực hiện tốt nhiệm vụ, đảm bảo tình hình và kết quả kinh doanh ổn định.
- Tổ chức thực hiện nghiêm túc Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2019 và thực hiện các Nghị quyết, quyết định của HĐQT.
- Công tác tổ chức và điều hành hoạt động hằng ngày của công ty: Tổng Giám đốc tổ chức và điều hành hoạt động hằng ngày của công ty theo đúng các quy định được cho phép trong Giấy phép đăng ký kinh doanh, tuân thủ đúng luật pháp nhà nước và các quy định liên quan đến công ty cổ phần.
- Đã thực hiện tốt công tác quản trị và chế độ báo cáo thông tin theo quy định đối với công ty niêm yết, tiếp tục là một trong số các công ty đáp ứng tốt các quy định về công bố thông tin trong năm 2019, được bình chọn là doanh nghiệp niêm yết tuân thủ đúng và đầy đủ nghĩa vụ công bố thông tin trên thị trường chứng khoán Việt Nam trong năm 2019.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

- Định hướng kinh doanh : khai thác tốt các nguồn lực về vốn, nhân sự, đại lý, tập trung đầu tư và nâng cao chất lượng các dịch vụ cơ bản, sàng lọc loại bỏ các dịch vụ hiệu quả thấp.
- Nghiên cứu và triển khai việc đầu tư kho bãi và phương tiện vận tải phù hợp thực tế.

4. Nội dung cụ thể về tình hình quản trị Công ty :

Được thông tin chi tiết trong Báo cáo quản trị năm 2019 (đã CBTT và đăng trên website Công ty).

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Số lượng thành viên HĐQT (nhiệm kỳ 2019-2024): 5 người.

Trong đó : Thành viên độc lập: 01 người ; Thành viên kiêm nhiệm: 02 người .

VINALINK - BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Tỉ lệ sở hữu cổ phần	Thành viên HĐQT các Công ty khác
1	Ông Vũ Thế Đức	Chủ tịch HĐQT	4.20%	Ủy viên HĐQT – VNT Logistics Phó Chủ tịch HĐQT – RCL Vietnam Chủ tịch HĐQT – Konoike Vina
2	Ông Nguyễn Nam Tiến	Phó Chủ tịch HĐQT- Tổng Giám đốc	1%	Phó Chủ tịch HĐQT – FC VN Phó Chủ tịch HĐQT – LCM Ủy viên HĐQT – Vinatrans Đà Nẵng Chủ tịch HĐQT – Kim Thành Logistics
3.	Ông Vũ Quốc Bảo	Thành viên HĐQT- Phó Tổng GD	0.67%	Thành viên HĐQT – Công ty LCM Thành viên HĐQT – FC Viet Nam
4	Ông Trương Minh Long	Thành viên HĐQT	1.12%	Tổng Giám đốc - Vinatrans Ủy viên HĐQT - Vinafreight Ủy viên HĐQT – Vinatrans Đà Nẵng Thành viên HĐQT - Công ty TNHH Konoike Vina
5	Ông Nguyễn Quốc Huy	Thành viên HĐQT	0.24%	

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

HĐQT không thành lập các tiểu ban chuyên môn của HĐQT

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị: đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp.

Căn cứ vào quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT và TGD được quy định tại Điều lệ Công ty Vinalink, HĐQT đã thực hiện công tác giám sát TGD theo nội dung như sau:

- Phối hợp BGD Cty tổng kết hoạt động kinh doanh năm 2019 để có cơ sở xây dựng kế hoạch kinh doanh cho năm 2020.
- HĐQT đã tập trung chỉ đạo, triển khai các kế hoạch theo nghị quyết, quyết định của HĐQT và Đại hội đồng cổ đông, đồng thời giám sát thường xuyên và hỗ trợ kịp thời cho Ban Giám đốc.
- Tại các cuộc họp, TGD báo cáo với HĐQT việc thực hiện các nghị quyết và các nhiệm vụ mà HĐQT đã ủy quyền.
- Công tác tổ chức và điều hành hoạt động hằng ngày của công ty: TGD tổ chức và điều hành hoạt động hằng ngày của công ty theo đúng các quy định được

VINALINK - BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

cho phép trong Giấy phép đăng ký kinh doanh, tuân thủ đúng luật pháp nhà nước và các quy định liên quan đến công ty cổ phần.

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	003/2019/NQ/VNL-HĐQT	02/01/2019	Thành lập Địa điểm kinh doanh tại địa chỉ 226/2 Lê Văn Sỹ, Phường 1, Quận Tân Bình, TPHCM
2	1211/2019/QĐ/VNL-HĐQT	28/02/2019	<ol style="list-style-type: none"> 1) Thời gian tổ chức Đại hội cổ đông năm 2019: 23/ 04/2019 2) Kế hoạch chi cổ tức đợt 2/2018 (8%) 3) Ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông để tổ chức ĐHĐCĐ năm 2019 và chi cổ tức đợt 2/2018 bằng tiền : 27/03/2019
3	2238/2019/QĐ/VNL-HĐQT	23/04/2019	<ol style="list-style-type: none"> 1. Bầu Chủ tịch và Phó Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2019-2024 Ông Vũ Thế Đức : Chủ tịch HĐQT Ông Nguyễn Nam Tiến : Phó chủ tịch HĐQT 2. Bổ nhiệm Ban Giám đốc Công ty : theo cơ cấu hiện tại, nhiệm kỳ 3 năm. 3. Bổ nhiệm người phụ trách quản trị Công ty : nhiệm kỳ 3 năm 4. Bổ nhiệm người đại diện vốn của Vinalink tại các công ty liên doanh, liên kết.
4	3111/2019/QĐ/VNL-HĐQT	17/06/2019	Kế hoạch chi cổ tức đợt 3/2018 (5%)
5	3347B/2019/NQ/VNL-HĐQT	02/07/2019	Chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019 (Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Vietnam)
6	5277/2019/QĐ/VNL-HĐQT	01/11/2019	<p>Thanh toán cổ tức đợt 1 năm 2019 bằng tiền mặt cho cổ đông VNL.</p> <p>Mức chi : 700 đ/ cổ phần</p> <p>Ngày đăng ký cuối cùng : 20/11/2019</p> <p>Thời gian thanh toán : 29/11/2019</p>

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị:

HĐQT không thành lập các tiểu ban chuyên môn của HĐQT.

Thành viên HĐQT có ý kiến về các vấn đề của Công ty về các vấn đề cần thiết qua email hoặc tại các cuộc họp của HĐQT.

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm.

Các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành, các cán bộ quản lý khác và Thư ký công ty chưa tham gia các khóa đào tạo về quản trị công ty trong năm 2019 tại cơ sở đào tạo do UBCKNN quy định theo quy định về quản trị công ty.

VINALINK - BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

Số lượng thành viên BKS (nhiệm kỳ 2019-2024): 3 người.

Stt	Thành viên BKS	Chức vụ	Tỉ lệ sở hữu cổ phần
1	Bà Phan Phương Tuyền	Trưởng BKS	0.05%
2	Bà Trang Anh Xuân	TV BKS	0.94%
3	Bà Lê Thị Ngọc Anh	TV BKS	0.024%

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

* Trong năm 2019 Ban Kiểm soát đã tổ chức 3 cuộc họp.

* Hoạt động của Ban Kiểm soát

Trong năm Ban Kiểm Soát đã thực hiện đầy đủ chức năng giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật, điều lệ công ty và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong việc quản lý và điều hành hoạt động kinh doanh, cụ thể:

- Tham gia các cuộc họp của HĐQT, giám sát việc triển khai nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, HĐQT và Ban Điều hành.
- Báo cáo kiểm soát định kỳ theo đúng quy định của Điều lệ Công ty, đánh giá, giám sát tình hình kinh doanh, kịp thời phản ánh, ghi nhận hoạt động của Công ty để báo cáo cho Hội Đồng Quản trị.
- Kiểm tra, thẩm định báo cáo tài chính soát xét 6 tháng đầu năm 2019 và báo cáo tài chính năm 2019.
- Giám sát việc thực thi pháp luật và thực hiện các quy chế mà công ty đã ban hành.

* Đánh giá chung của Ban Kiểm soát :

- Về công tác lập Báo cáo tài chính và tổ chức hạch toán kế toán :

Báo cáo tài chính của Công ty được lập một cách trung thực và hợp lý, phản ánh đúng tình hình tài chính của Công ty tại các thời điểm và thời kỳ, tuân thủ nghiêm ngặt các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác. Các báo cáo tài chính cũng được công bố tới các cổ đông một cách kịp thời theo các quy định hiện hành.

Tổ chức hạch toán kế toán: Công ty đã thực hiện việc hạch toán và mở sổ sách kế toán phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt nam hiện hành.

* Kết quả giám sát đối với thành viên HĐQT, Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý :

- Qua quá trình giám sát, Ban Kiểm soát nhận thấy các thành viên HĐQT và BGD đã có nhiều nỗ lực trong việc xây dựng các định hướng, chỉ đạo điều hành công ty. Trước những khó khăn chung của ngành vận tải, tình hình cạnh tranh gay gắt về nguồn nhân lực nhưng Công ty vẫn giữ vững và ổn định các nhân sự chủ chốt, vẫn hoạt động kinh doanh có lãi.

- Trong năm, HĐQT đã tổ chức các cuộc họp hàng quý và thông qua lấy ý kiến bằng văn bản để triển khai nghị quyết của đại hội cổ đông; thảo luận và quyết nghị về những vấn đề chính yếu của Công Ty. Các nghị quyết, quyết định của HĐQT phù hợp với chức năng và quyền hạn theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công Ty

VINALINK - BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

- HĐQT, Tổng Giám Đốc, người quản lý khác đã cung cấp thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công Ty, tạo điều kiện cho công tác kiểm soát được thuận lợi.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

Thù lao của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát

Mức thù lao và quỹ HĐQT & BKS năm 2019 là 2% lợi nhuận sau thuế được phân phối.

Thù lao và tiền thưởng trong năm 2019 như sau :

S TT	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao (đồng / tháng)
1	Ông Vũ Thế Đức	Chủ tịch HĐQT	5.000.000
2	Ông Nguyễn Nam Tiến	Phó Chủ tịch HĐQT	4.000.000
3	Ông Vũ Quốc Bảo	Thành viên HĐQT	3.000.000
4	Ông Trương Minh Long	Thành viên HĐQT	3.000.000
5	Ông Nguyễn Quốc Huy	Thành viên HĐQT	3.000.000
6	Bà Phan Phương Tuyền	Trưởng BKS	3.000.000
7	Bà Trang Anh Xuân	Thành viên BKS	1.000.000
8	Bà Lê Thị Ngọc Anh	Thành viên BKS	1.000.000

Tổng thù lao và tiền thưởng HĐQT : 400.000.000 đ

Tổng thù lao và tiền thưởng BKS : 85.000.000 đ

Lương Ban Giám đốc

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Nguyễn Nam Tiến	Tổng Giám đốc
2	Ông Vũ Quốc Bảo	Phó Tổng GD
3	Ông Đinh Quang Ngọc	Phó Tổng GD
4	Bà Nguyễn Anh Nam	Kế toán trưởng

Tổng thu nhập của Ban Giám đốc năm 2019 : 2.578.954.229 đ

VINALINK - BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

- b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: *Không phát sinh*
- c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: *Không phát sinh*
- d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:
Công ty thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về quản trị công ty.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Đơn vị kiểm toán độc lập: Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn RSM Việt Nam

1. Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty CP Logistics Vinalink và công ty con vào ngày 31/12/2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:

Báo cáo tài chính năm 2019 (hợp nhất) đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán.

**XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
TỔNG GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Nam Tiến

16-04-2020



**CÔNG TY
CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK
VÀ CÔNG TY CON**

- 1. BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2019
- 2. Giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế TNDN**

**CÔNG TY
CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK
VÀ CÔNG TY CON**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2019



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8
Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	9 - 36

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: 226/2 Lê Văn Sỹ, Phường 1, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Logistics Vinalink (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã được kiểm toán của Công ty và công ty con (dưới đây cùng với Công ty gọi chung là "Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Vũ Thế Đức	Chủ tịch
Ông Nguyễn Nam Tiến	Phó Chủ tịch
Ông Trương Minh Long	Thành viên
Ông Vũ Quốc Bảo	Thành viên (bổ nhiệm ngày 23/04/2019)
Ông Nguyễn Quốc Huy	Thành viên (bổ nhiệm ngày 23/04/2019)
Ông Đinh Quang Ngọc	Thành viên (miễn nhiệm ngày 23/04/2019)
Bà Trần Thị Bình	Thành viên (miễn nhiệm ngày 23/04/2019)

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Phan Phương Tuyền	Trưởng ban (bổ nhiệm ngày 23/04/2019)
Bà Vũ Thị Bình Nguyễn	Trưởng ban (miễn nhiệm ngày 23/04/2019)
Bà Trang Anh Xuân	Thành viên
Bà Lê Thị Ngọc Anh	Thành viên (bổ nhiệm ngày 23/04/2019)

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Nam Tiến	Tổng Giám đốc
Ông Đinh Quang Ngọc	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Quốc Bảo	Phó Tổng Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư Vấn RSM Việt Nam, thành viên RSM Quốc tế.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: 226/2 Lê Văn Sỹ, Phường 1, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty xác nhận rằng Tập đoàn đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Tập đoàn và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Nam Tiên
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2020

Số: 20.159-HN/BCKT-RSMHCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các thành viên Hội đồng quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK**

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính hợp nhất

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Logistics Vinalink (dưới đây gọi tắt là "Công ty") và công ty con (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày 30 tháng 03 năm 2020 từ trang 05 đến trang 36, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)**Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Logistics Vinalink và công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 và hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến mục 4.10 trong Bản thuyết minh báo cáo tài chính, trong đó trình bày việc trong năm 2018 Công ty Cổ phần Logistics Vinalink đã nhận được các văn bản từ các cơ quan hữu quan như sau:

- Thông báo số 14379/TB-CT-KTTĐ ngày 12 tháng 09 năm 2018 của Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh về việc xác định lại đơn giá tiền thuê đất giai đoạn năm 2016 – 2020, theo đó đơn giá được xác định lại thấp hơn so với đơn giá đang được Công ty áp dụng theo các Thông báo của Chi cục Thuế Quận 4;
- Biên bản làm việc giữa Chi cục Thuế Quận 4 và Công ty ngày 26 tháng 12 năm 2018, theo đó:
 - Chi cục Thuế Quận 4 đồng ý điều chỉnh đơn giá tiền thuê đất năm 2018 theo Thông báo số 14379/TB-CT-KTTĐ ngày 12 tháng 09 năm 2018 của Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh và sau đó ban hành Thông báo số 163/CCT-TB ngày 14 tháng 01 năm 2019 về việc điều chỉnh tiền thuê đất phải nộp;
 - Trong thời gian chờ kết luận của Kiểm toán Nhà nước đang tiến hành kiểm tra, Chi cục Thuế Quận 4 chưa điều chỉnh đơn giá tiền thuê đất cho giai đoạn năm 2016 – 2017.

Căn cứ vào các văn bản nêu trên, hiện nay Công ty đã điều chỉnh tiền thuê đất năm 2018 vào báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 theo đơn giá tại Thông báo số 163/CCT-TB ngày 14 tháng 01 năm 2019 của Chi cục thuế Quận 4. Riêng đối với tiền thuê đất năm 2016, 2017, Công ty tạm thời vẫn sử dụng đơn giá theo các thông báo nộp tiền thuê đất trước đây của Chi cục thuế Quận 4 và sẽ tiến hành điều chỉnh ngay sau khi có kết luận chính thức của Kiểm toán Nhà nước về vấn đề này.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không bị ảnh hưởng bởi vấn đề này.



Lục Thị Vân
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
0172-2018-026-1

Trịnh Thanh Thanh
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
2820-2020-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam
TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2020

Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31/12/2019

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2019	Tại ngày 01/01/2019
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		232.600.655.695	243.583.187.695
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	74.035.149.911	61.800.125.526
1. Tiền	111		49.605.797.196	32.502.798.160
2. Các khoản tương đương tiền	112		24.429.352.715	29.297.327.366
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		157.671.092.539	179.191.688.749
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	138.290.390.071	162.867.525.647
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	2.425.004.647	1.444.814.809
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.5	18.153.615.211	16.078.051.073
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.6	(1.197.917.390)	(1.198.702.780)
III. Tài sản ngắn hạn khác	150		894.413.245	2.591.373.420
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		360.397.393	315.128.930
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	4.10	9.783.660	648.317.350
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.10	524.232.192	1.627.927.140
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		108.300.826.399	110.574.157.337
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		2.489.603.379	6.370.828.421
1. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	3.087.000.000
2. Phải thu dài hạn khác	216	4.5	2.489.603.379	3.283.828.421
II. Tài sản cố định	220		47.832.302.621	33.551.707.989
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.7	21.432.302.621	7.421.707.989
Nguyên giá	222		51.490.422.672	38.687.205.894
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(30.058.120.051)	(31.265.497.905)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.8	26.400.000.000	26.130.000.000
Nguyên giá	228		26.400.000.000	26.130.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	14.780.881.135
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	14.780.881.135
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		56.637.718.480	55.170.509.808
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	4.2	55.911.568.480	54.444.359.808
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	4.2	726.150.000	726.150.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		1.341.201.919	700.229.984
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		1.341.201.919	700.229.984
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		340.901.482.094	354.157.345.032

(Xem tiếp trang sau)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/12/2019

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2019	Tại ngày 01/01/2019
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		129.445.574.176	143.166.430.475
I. Nợ ngắn hạn	310		82.140.574.176	90.861.430.475
1. Nợ phải trả người bán ngắn hạn	311	4.9	62.422.834.636	64.796.504.985
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.591.858.458	80.079.500
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.10	1.946.308.302	5.665.947.923
4. Phải trả người lao động	314	4.11	8.793.031.589	10.001.500.059
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		953.664.575	1.294.510.939
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.12	3.784.023.182	4.222.533.635
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	4.13	2.648.853.434	4.800.353.434
II. Nợ dài hạn	330		47.305.000.000	52.305.000.000
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	4.14	14.500.000.000	19.500.000.000
2. Phải trả dài hạn khác	337	4.12	32.805.000.000	32.805.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		211.455.907.918	210.990.914.557
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.15.1	211.455.907.918	210.990.914.557
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	4.15.2	90.000.000.000	90.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		90.000.000.000	90.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		5.059.590.857	5.059.590.857
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		10.000.000.000	10.000.000.000
4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		91.899.065	94.396.440
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		569.608.287	525.634.139
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		105.734.809.709	105.311.293.121
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		93.246.807.807	87.239.594.033
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		12.488.001.902	18.071.699.088
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		340.901.482.094	354.157.345.032



Nguyễn Nam Tiến

Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2020

Nguyễn Anh Nam

Kế toán trưởng

Lê Thị Thanh Thanh

Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2019	Năm 2018
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	899.914.942.172	941.689.646.426
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		899.914.942.172	941.689.646.426
3. Giá vốn hàng bán	11	5.2	871.202.156.115	907.519.236.396
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		28.712.786.057	34.170.410.030
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	4.694.979.109	7.323.880.040
6. Chi phí tài chính	22	5.4	2.658.096.796	3.701.389.253
7. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết	24	5.5	6.351.506.038	5.208.733.978
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.6	14.559.201.496	13.078.419.838
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		22.541.972.912	29.923.214.957
10. Thu nhập khác	31		487.564.261	262.171.679
11. Chi phí khác	32		67.833.741	-
12. Lợi nhuận khác	40		419.730.520	262.171.679
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		22.961.703.432	30.185.386.636
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.8	4.173.701.530	5.813.687.548
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		18.788.001.902	24.371.699.088
16. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		18.788.001.902	24.371.699.088
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.15.4	2.051	2.655
18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.15.4	2.051	2.655



Nguyễn Nam Tiên
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2020

Nguyễn Anh Nam
Kế toán trưởng

Lê Thị Thanh Thanh
Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2019	Năm 2018
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		22.961.703.432	30.185.386.636
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	5.7	2.695.616.476	2.520.385.223
Các khoản dự phòng	03		(785.390)	(1.771.777.603)
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	5.3	(77.504.843)	(211.042.803)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(8.192.395.842)	(7.696.936.238)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	08		17.386.633.833	23.026.015.215
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		31.131.081.578	(35.360.685.343)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(11.845.701.816)	(125.621.417)
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(686.240.398)	(559.943.985)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	4.10	(8.062.505.886)	(3.795.675.280)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(2.629.500.000)	(688.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		25.293.767.311	(17.503.910.810)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(2.094.963.845)	(40.938.030.220)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		475.909.091	331.588.636
3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	1.804.263.956
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		6.414.627.993	8.535.407.650
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		4.795.573.239	(30.266.769.978)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	4.15.3	(18.000.000.000)	(13.500.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(18.000.000.000)	(13.500.000.000)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM	50		12.089.340.550	(61.270.680.788)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		61.800.125.526	123.008.073.611
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		145.683.835	62.732.703
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	70	4.1	74.035.149.911	61.800.125.526



Nguyễn Nam Tiến
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2020

Nguyễn Anh Nam
Kế toán trưởng

Lê Thị Thanh Thanh
Người lập

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Logistics Vinalink trước đây là Xi Nghiệp Đại Lý Vận Tải Và Gom Hàng, được thành lập theo:

- Quyết định số 0776/1999/QĐ/BTM ngày 24 tháng 06 năm 1999 về chuyển đổi Xi Nghiệp Đại Lý Vận Tải Và Gom Hàng thành công ty cổ phần có tên gọi là Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Và Thương Mại và Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh lần đầu số 064162 ngày 31 tháng 07 năm 1999 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.
- Ngày 22 tháng 05 năm 2014, Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Và Thương Mại được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Logistics Vinalink theo Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0301776205 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 21 tháng 05 năm 2019.

Công ty chính thức được niêm yết giao dịch chứng khoán trên Trung tâm giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 90/QĐ-SGDHCM ngày 10 tháng 08 năm 2009 do Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại 226/2 Lê Văn Sỹ, Phường 1, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 90 tỷ đồng.

Công ty có đầu tư vào 01 công ty con như được trình bày tại mục 1.5 dưới đây (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là "Tập đoàn").

Các đơn vị trực thuộc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2019 gồm:

- Chi nhánh tại Hà Nội được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0113000049 ngày 29 tháng 12 năm 2000. Sau đó, Giấy chứng nhận này được thay đổi bằng Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0301776205-001 ngày 13 tháng 06 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.
- Chi nhánh tại Hải Phòng được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0213005696 ngày 22 tháng 09 năm 2009. Sau đó, Giấy chứng nhận này được thay đổi bằng Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0301776205-002 ngày 30 tháng 05 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp.
- Chi nhánh tại Đà Nẵng được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0301776205-003 ngày 17 tháng 05 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp.
- Chi nhánh tại Quy Nhơn được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0301776205-004 ngày 21 tháng 06 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Định cấp.

Tổng số nhân viên của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 343 người (31/12/2018: 346 người).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Dịch vụ vận tải.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Theo các Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh chính của Tập đoàn bao gồm:

- Kinh doanh kho bảo quản hàng hóa, vận tải hàng hóa;
- Kinh doanh các dịch vụ giao nhận vận tải, kho, gom hàng xuất nhập khẩu, dịch vụ thủ tục hải quan và các dịch vụ khác như tải chế, bao bì, mua bảo hiểm, giám định, kiểm kiện;
- Đại lý tàu biển, đại lý lưu cước, quản lý vỏ container cho các hãng tàu;
- Đại lý giao nhận cho các hãng giao nhận vận tải nước ngoài;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu, nhận ủy thác xuất nhập khẩu hàng hóa theo quy định của pháp luật;
- Đại lý bán vé máy bay, đại lý vận chuyển hàng hóa;
- Kinh doanh vận tải đa phương thức;
- Đại lý vận tải hàng hóa hàng không, gửi hàng.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Tập đoàn là 12 tháng.

1.5. Công ty con được hợp nhất

Công ty con trực tiếp

Tên công ty con	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty TNHH MTV Logistics Vinalink (Cambodia)	Regency, Complex C, Ground Floor, Unit 10-11C/168, Samdach Monireth Blvd (St.217), Sangkat Tomnubteuk, Khan Chamkarmon, Phnom Penh, Cambodia	100,00%	100,00%

1.6. Các Công ty liên doanh, liên kết quan trọng được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

STT	Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
1.	Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Miền Trung (Vinatrans Đà Nẵng)	Số 140, Đường Trưng Nữ Vương, Phường Bình Hiên, Quận Hải Châu, TP.Đà Nẵng	27,89%	27,89%
2.	Công ty Cổ phần Logistics Kim Thành	Lô KB13, Đường T5 Khu Thương mại - Công nghiệp Kim Thành, Phường Duyên Hải, TP. Lào Cai	30,00%	56,52%
3.	Công ty TNHH Vận Tải Việt Nhật Konoike Vina (Japan)	18A Lưu Trọng Lư, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh	25,00%	9,15%
4.	Công ty TNHH Dịch Vụ Đại Lý Vận Chuyển (Freight Consolidators)	Số 46-48 Đường Hậu Giang, Phường 4, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh	30,00%	30,00%
5.	Công ty TNHH Điều hành vận chuyển Hàng Hóa Liên Kết LCM	Số 30, Đường Phan Thúc Duyệt, Phường 4, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh	30,00%	30,00%
6.	Công ty TNHH RCL (Việt Nam)	Số 436 - 438 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 5, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh	33,33%	20,00%
7.	Công ty Cổ Phần Vận Chuyển Vinalink	Số 226/2 Lê Văn Sỹ, Phường 1, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh	40,00%	40,00%

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn từ ngày 01 tháng 01 đến 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

2.5. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất là báo cáo tài chính của Tập đoàn mà trong đó tài sản, nợ, nguồn vốn, doanh thu, chi phí và dòng tiền của công ty mẹ và công ty con được trình bày như một doanh nghiệp độc lập không tính đến ranh giới pháp lý của các công ty riêng biệt. Các báo cáo tài chính của công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với công ty mẹ theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của công ty mẹ. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa công ty con và công ty mẹ.

Phương pháp loại trừ giao dịch nội bộ

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ hoàn toàn khi hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện cũng được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp chi phí gây ra khoản lỗ đó không thể thu hồi.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

3.1. Ngoại tệ

- Tỷ giá áp dụng đối với việc ghi nhận doanh thu và chi phí trong kế toán là tỷ giá của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank);
- Tỷ giá áp dụng đối với việc ghi nhận các khoản tài sản và công nợ là tỷ giá hạch toán 23.000 VND/USD;
- Tỷ giá áp dụng khi đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ;
- Tỷ giá áp dụng khi đánh giá lại nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ;
- Các loại tỷ giá áp dụng trong giao dịch khác là tỷ giá hạch toán 23.000 VND/USD.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

3.2. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

3.4. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty liên kết khi Tập đoàn nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư mà không có thỏa thuận khác.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư vào công ty liên kết ban đầu được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh. Sau đó, giá trị của khoản đầu tư được điều chỉnh tăng giảm tương ứng với phần sở hữu của Tập đoàn trong lãi lỗ của công ty liên kết sau ngày mua.

Các khoản phân phối từ công ty liên kết sau ngày mua được ghi giảm giá trị của khoản đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên doanh

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty liên doanh khi Tập đoàn có quyền đồng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư vào công ty liên doanh ban đầu được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh. Sau đó, giá trị của khoản đầu tư được điều chỉnh tăng giảm tương ứng với phần sở hữu của Tập đoàn trong lãi lỗ của công ty liên doanh sau ngày mua.

Các khoản phân phối từ công ty liên doanh sau ngày mua được ghi giảm giá trị của khoản đầu tư.

Đầu tư khác

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư khác là các khoản đầu tư ngoài các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên doanh, và đầu tư vào công ty liên kết.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

3.4. Đầu tư tài chính (tiếp theo)

Các khoản đầu tư khác được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư khác

Đối với các khoản đầu tư khác

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, đối với các khoản đầu tư khác không phải là đầu tư chứng khoán niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán trong nước và không phải là chứng khoán tự do mua bán trên thị trường, dự phòng tổn thất các khoản đầu tư khác được trích lập khi có cơ sở cho thấy có giá trị suy giảm so với giá trị đầu tư của doanh nghiệp với mức trích lập phù hợp với mức quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính nhưng tối đa bằng giá trị đầu tư thực tế đang hạch toán trên sổ kế toán.

3.5. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được đúng hạn với mức trích lập phù hợp với mức quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính để bảo đảm phản ánh giá trị các khoản nợ phải thu không cao hơn giá trị có thể thu hồi được.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

3.6. Tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

Năm 2019

▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25 năm
▪ Máy móc thiết bị	05 - 08 năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 - 11 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08 năm

3.7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế là giá trị quyền sử dụng diện tích đất tại Số 226/2 Lê Văn Sỹ, Phường 1, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh của Tập đoàn.

Quyền sử dụng đất vô thời hạn không trích khấu hao.

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm kế toán không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

3.8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến tiền thuê đất, phí thuê văn phòng. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoản thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê;
- Chi phí thuê văn phòng được phân bổ theo thời hạn thuê.

3.9. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

3.10. Nợ phải trả (tiếp theo)

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

3.10. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả là giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo và chi phí hoa hồng nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được xác định căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối kỳ và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm, và ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

3.11. Lương

Căn cứ trên Quỹ lương được duyệt của Hội đồng quản trị.

3.12. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện được ghi nhận là lợi nhuận nhận trước từ hợp đồng hợp tác khai thác kinh doanh từ đối tác. Hàng kỳ tính, xác định và kết chuyển doanh thu chưa thực hiện vào doanh thu phù hợp với thời gian hợp tác được quy định trên hợp đồng.

3.13. Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả trong năm vào ngày công bố cổ tức.

Quỹ dự trữ

Việc trích lập quỹ được thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.14. Doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

3.14. Doanh thu và thu nhập khác (tiếp theo)

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Thu nhập đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Kết quả kinh doanh của công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất tương ứng với tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong công ty liên doanh liên kết.

3.15. Giá vốn cung cấp dịch vụ

Giá vốn cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của dịch vụ được cung cấp trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

3.16. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ gồm lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái.

3.17. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax,...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

3.18. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoãn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoãn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

3.18. Thuế (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (lỗ tính thuế) tại thời điểm giao dịch;
- Tài sản thuế hoãn lại cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh chỉ được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoãn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí để tính lãi, lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Công ty chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại với thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế Giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- Cước vận tải quốc tế: 0%
- Dịch vụ liên quan vận tải đa phương thức: 10%

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của các công ty trong Tập đoàn sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

3.19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hợp nhất sau thuế của Tập đoàn sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Tập đoàn mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**3.20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Tập đoàn sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Tập đoàn mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.21. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

3.22. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Tập đoàn hoặc chịu sự kiểm soát của Tập đoàn hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tập đoàn. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tập đoàn dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Tập đoàn, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Tập đoàn, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 31/12/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Tiền mặt	4.886.097.865	3.334.148.342
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	44.719.699.331	20.823.743.213
Tiền đang chuyển	-	8.344.906.605
Các khoản tương đương tiền	24.429.352.715	29.297.327.366
Cộng	74.035.149.911	61.800.125.526

Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc dưới 3 tháng bằng VND tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam với lãi suất từ 4,3%/năm đến 6,8%/năm.

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.2. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư góp vốn vào công ty liên doanh, liên kết được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2019		Tại ngày 01/01/2019	
	Giá gốc	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Giá gốc	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu
Đầu tư vào công ty liên doanh:				
Công ty TNHH Vận Tải Việt Nhật Konoike Vina (Japan)	4.908.430.302	11.752.277.470	4.908.430.302	11.180.096.768
Công ty TNHH Điều Hành Vận Chuyển Hàng Hóa Liên Kết LCM	1.927.800.000	7.144.914.427	1.927.800.000	6.140.907.817
Công ty TNHH RCL (Việt Nam)	946.800.000	1.275.151.959	946.800.000	2.065.507.230
Công ty TNHH Dịch Vụ Đại Lý Vận Chuyển (Freight Consolidators)	3.918.874.000	7.291.197.818	3.918.874.000	6.775.304.100
Cộng	11.701.904.302	27.463.541.674	11.701.904.302	26.161.815.915
Đầu tư vào công ty liên kết:				
Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Miền Trung (Vinatrans Đà Nẵng)	4.392.000.000	9.036.092.031	4.392.000.000	8.386.939.404
Công ty Cổ phần Logistic Kim Thành	19.120.589.000	16.736.146.405	19.120.589.000	17.535.456.584
Công ty Cổ phần Vận Chuyển Vinalink	2.000.000.000	2.675.788.370	2.000.000.000	2.360.147.905
Cộng	25.512.589.000	28.448.026.806	25.512.589.000	28.282.543.893
Tổng cộng	37.214.493.302	55.911.568.480	37.214.493.302	54.444.359.808

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.2. Các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)

Đầu tư vào đơn vị khác là khoản đầu tư vào công ty TNHH Vận Tải Ô Tô Vinatrans với tỷ lệ góp vốn là 9,81%.

Tại ngày báo cáo, Tập đoàn chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Tại ngày 31/12/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Phải thu khách hàng là các bên liên quan - Xem thêm mục 7	15.819.222	23.258.275
Phải thu khách hàng trong nước:	114.173.312.273	116.477.631.995
<i>Công ty Cổ phần Hàng Không Vietjet</i>	18.984.243.729	13.275.849.866
<i>Công ty TNHH Giao Nhận Daijin Việt Nam</i>	7.815.275.754	14.449.996.962
<i>Công ty TNHH Logistics Đông Dương và Viễn Đông</i>	4.271.027.623	4.550.619.698
<i>Công ty TNHH Wilmar Marketing CLV</i>	3.117.988.222	5.112.427.525
<i>Công ty TNHH Thời Trang Star</i>	3.049.160.555	3.290.143.575
<i>Chi Nhánh Hà Nội - Công ty TNHH Ium Logistics</i>	2.643.877.720	2.116.589.687
<i>Khách hàng khác trong nước</i>	74.291.738.670	73.682.004.682
Phải thu khách hàng nước ngoài:	24.101.258.576	46.366.635.377
<i>Hong Leng Hour Import Export & Transportation Co., Ltd</i>	4.448.709.478	4.863.727.332
<i>H-Sea (NINGBO) Supply Chain Management Co.,Ltd</i>	61.159.567	4.084.670.104
<i>Mekong International Transport Co., Ltd</i>	-	7.327.368.389
<i>Khách hàng nước ngoài khác</i>	19.591.389.531	30.090.869.552
Cộng	138.290.390.071	162.867.525.647

4.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Trả trước người bán là các bên liên quan – Xem thêm mục 7	1.000.000.000	1.000.541.631
Trả trước người bán là các đối tượng khác	1.425.004.647	444.273.178
Cộng	2.425.004.647	1.444.814.809

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.5. Phải thu khác

	Tại ngày 31/12/2019		Tại ngày 01/01/2019	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn:				
Công ty TNHH Một Thành Viên Phú An Thạnh (*)	3.681.352.207	-	3.986.352.207	-
Tạm ứng cho nhân viên làm hàng	9.802.413.325	-	3.081.537.856	-
Ký cược, ký quỹ	2.614.400.000	-	8.276.250.000	-
Phải thu khác	2.055.449.679	-	733.911.010	-
Cộng	18.153.615.211	-	16.078.051.073	-
Dài hạn:				
Ký cược, ký quỹ	1.989.603.379	-	2.783.828.421	-
Các khoản khác	500.000.000	-	500.000.000	-
Cộng	2.489.603.379	-	3.283.828.421	-

(*) Là khoản ứng trước cho Công ty TNHH Một Thành Viên Phú An Thạnh - Long An liên quan đến hợp đồng thuê quyền sử dụng đất gắn với kết cấu hạ tầng trên đất tại Khu công nghiệp Bắc An Thạnh, Xã An Thạnh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An. Đến ngày 08 tháng 10 năm 2017, Tập đoàn đã thỏa thuận với Công ty TNHH Một Thành Viên Phú An Thạnh để thanh lý hợp đồng và thu hồi lại khoản ứng trước trên.

4.6. Nợ xấu

	Tại ngày 31/12/2019		Tại ngày 01/01/2019	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán	1.528.429.067	330.511.677	1.814.709.732	616.006.952
Giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn theo thời gian quá hạn được chi tiết như sau:				
	Tại ngày 31/12/2019		Tại ngày 01/01/2019	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Dư nợ từ 6 tháng đến dưới 1 năm	-	-	25.296.584	17.707.609
Dư nợ từ 1 - 2 năm	-	-	1.138.710.516	569.355.217
Dư nợ từ 2 - 3 năm	1.101.705.595	330.511.677	96.480.420	28.944.126
Dư nợ từ trên 3 năm	426.723.472	-	554.222.212	-
Cộng	1.528.429.067	330.511.677	1.814.709.732	616.006.952

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá:					
Tại ngày 01/01/2019	8.052.973.806	793.492.521	28.324.663.620	1.516.075.947	38.687.205.894
Giảm (do ảnh hưởng tỷ giá)	-	-	-	(772.792)	772.792
Tăng trong năm	-	381.454.545	537.409.582	-	16.713.844.980
Đầu tư XDCB hoàn thành	15.794.980.853	-	-	-	15.794.980.853
Thanh lý	(2.009.425.566)	(497.132.045)	(1.169.781.571)	(233.516.228)	(3.909.855.410)
Tại ngày 31/12/2019	21.838.529.093	677.815.021	27.692.291.631	1.281.786.927	51.490.422.672
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Tại ngày 01/01/2019	7.561.344.678	793.492.521	21.517.742.607	1.392.918.099	31.265.497.905
Khấu hao trong kỳ	876.507.132	40.870.134	1.738.657.742	39.581.468	2.695.616.476
Thanh lý	(2.009.425.566)	(497.132.045)	(1.162.920.491)	(233.516.228)	(3.902.994.330)
Tại ngày 31/12/2019	6.428.426.244	337.230.610	22.093.479.858	1.198.983.339	30.058.120.051
Giá trị còn lại:					
Tại ngày 01/01/2019	491.629.128	-	6.806.921.013	123.157.848	7.421.707.989
Tại ngày 31/12/2019	15.410.102.849	340.584.411	5.598.811.773	82.803.588	21.432.302.621

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 21.680.600.820 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: 226/2 Lê Văn Sỹ, Phường 1, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.8. Tài sản cố định vô hình**

	Tại ngày 31/12/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Giá trị quyền sử dụng đất vô thời hạn tại 226/2 Lê Văn Sỹ, Phường 1, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	26.130.000.000	26.130.000.000
Phần mềm máy tính	270.000.000	-
Cộng	26.400.000.000	26.130.000.000

4.9. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2019 VND		Tại ngày 01/01/2019 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả người bán trong nước:	38.532.723.445	38.532.723.445	46.646.100.005	46.646.100.005
<i>Công ty TNHH Phúc Vinh</i>	2.041.756.733	2.041.756.733	1.161.665.889	1.161.665.889
<i>Công ty Cổ phần Tiếp Vận AVC Việt Nam</i>	1.145.354.020	1.145.354.020	6.679.306.326	6.679.306.326
<i>Văn phòng HHK Singapore tại Việt Nam</i>	468.000.645	468.000.645	-	-
<i>Văn phòng bán vé HHK Cathay Pacific Airway tại TP. Hồ Chí Minh</i>	118.664.738	118.664.738	1.159.182.258	1.159.182.258
<i>Người bán khác trong nước</i>	34.758.947.309	34.758.947.309	37.645.945.532	37.645.945.532
Phải trả người bán nước ngoài:	23.890.111.191	23.890.111.191	18.150.404.980	18.150.404.980
<i>AD Rem Transport Uab Portever Shipping (H.K.) Co., Ltd</i>	1.822.929.986	1.822.929.986	847.477.805	847.477.805
<i>Trimanson Express Ltd</i>	1.374.717.344	1.374.717.344	1.361.296.362	1.361.296.362
<i>Đại lý nước ngoài khác</i>	141.021.097	141.021.097	3.704.010.778	3.704.010.778
	20.551.442.764	20.551.442.764	12.237.620.035	12.237.620.035
Cộng	62.422.834.636	62.422.834.636	64.796.504.985	64.796.504.985

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.10. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 01/01/2019 VND		Số phát sinh trong năm VND		Số đã khấu trừ trong năm VND		Tại ngày 31/12/2019 VND	
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	648.317.350		30.387.792.073		31.026.325.763		9.783.660	
	Tại ngày 01/01/2019 VND		Trong năm VND			Tại ngày 31/12/2019 VND		
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Đã khấu trừ	Phải thu	Phải nộp	
Thuế giá trị gia tăng	-	471.680.858	36.783.918.098	5.609.637.115	31.026.325.763	-	619.636.078	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	4.771.334.388	4.172.939.010	8.062.505.886	-	-	881.767.512	
Thuế thu nhập cá nhân	-	269.033.987	5.141.272.785	5.094.175.764	-	-	316.131.008	
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	1.627.927.140	-	1.882.069.339	778.374.391	-	524.232.192	-	
Các loại thuế khác	-	153.898.690	1.460.076.747	1.485.201.733	-	-	128.773.704	
Cộng	1.627.927.140	5.665.947.923	49.440.275.979	21.029.894.889	31.026.325.763	524.232.192	1.946.308.302	

Trong năm 2018, Công ty Cổ phần Logistics Vinalink đã nhận được các văn bản từ các cơ quan hữu quan như sau:

- Thông báo số 14379/TB-CT-KTTĐ ngày 12 tháng 09 năm 2018 của Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh về việc xác định lại đơn giá tiền thuê đất giai đoạn năm 2016 - 2020, theo đó đơn giá được xác định lại này thấp hơn so với đơn giá đang được Công ty áp dụng theo các Thông báo của Chi cục Thuế Quận 4;
- Biên bản làm việc giữa Chi cục Thuế Quận 4 và Công ty ngày 26 tháng 12 năm 2018, theo đó:
 - Chi cục Thuế Quận 4 đồng ý điều chỉnh đơn giá tiền thuê đất năm 2018 theo Thông báo số 14379/TB-CT-KTTĐ ngày 12 tháng 09 năm 2018 của Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh và sau đó ban hành Thông báo số 163/CCT-TB ngày 14 tháng 01 năm 2019 về việc điều chỉnh tiền thuê đất phải nộp;
 - Trong thời gian chờ kết luận của Kiểm toán Nhà nước đang tiến hành kiểm tra, Chi cục Thuế Quận 4 chưa điều chỉnh đơn giá tiền thuê đất cho giai đoạn năm 2016 - 2017.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.11. Phải trả người lao động

Là quỹ lương năm 2019 còn phải trả cho người lao động.

4.12. Phải trả khác

	Tại ngày 31/12/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Ngắn hạn:		
Hoa hồng phải trả	2.526.177.799	3.318.048.889
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.257.845.383	904.484.746
Cộng	3.784.023.182	4.222.533.635
Dài hạn:		
Tạm ứng tiền đền bù di dời (*)	32.800.000.000	32.800.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	5.000.000	5.000.000
Cộng	32.805.000.000	32.805.000.000

(*) Là khoản tiền tạm ứng 80% tổng giá trị đền bù di dời phục vụ dự án chuyển đổi công năng và khai thác kho bãi khu vực 145-147 Nguyễn Tất Thành mà Công ty Cổ phần Đường Khánh Hội đã trả cho Công ty Cổ Phần Logistics Vinalink theo hợp đồng nguyên tắc số 2392/HĐĐB.14 ngày 14 tháng 11 năm 2014 - Xem thêm mục 11.

4.13. Quỹ khen thưởng phúc lợi

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Số dư đầu năm	4.800.353.434	5.025.141.734
Trích lập trong năm	479.000.000	471.160.000
Sử dụng trong năm	(2.630.500.000)	(695.948.300)
Số dư cuối năm	2.648.853.434	4.800.353.434

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.14. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện dài hạn là khoản doanh thu cho thuê kho bãi nhận trước theo hợp đồng số 2391/HĐHT.12 ngày 14 tháng 11 năm 2014 - Xem thêm mục 11.

4.15. Vốn chủ sở hữu

4.15.1. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu						Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	
Tại ngày 01/01/2018	90.000.000.000	5.059.590.857	9.000.000.000	41.485.904	483.415.552	96.677.163.271	201.261.655.584
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	24.371.699.088	24.371.699.088
Tặng/Giảm khác	-	-	-	52.910.536	42.218.587	(766.409.238)	(671.280.115)
Chia cổ tức đợt 2 năm 2017	-	-	-	-	-	(7.200.000.000)	(7.200.000.000)
Chia cổ tức đợt 1 năm 2018	-	-	-	-	-	(6.300.000.000)	(6.300.000.000)
Trích lập Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ năm 2017	-	-	1.000.000.000	-	-	(1.000.000.000)	-
Trích lập Quỹ Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2017	-	-	-	-	-	(471.160.000)	(471.160.000)
Tại ngày 01/01/2019	90.000.000.000	5.059.590.857	10.000.000.000	94.396.440	525.634.139	105.311.293.121	210.990.914.557
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	-	18.788.001.902	18.788.001.902
Tặng/Giảm khác	-	-	-	(2.497.375)	43.974.148	114.514.686	155.991.459
Chia cổ tức đợt 2 năm 2018	-	-	-	-	-	(7.200.000.000)	(7.200.000.000)
Chia cổ tức đợt 3 năm 2018	-	-	-	-	-	(4.500.000.000)	(4.500.000.000)
Chia cổ tức đợt 1 năm 2019	-	-	-	-	-	(6.300.000.000)	(6.300.000.000)
Trích lập Quỹ Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2018	-	-	-	-	-	(479.000.000)	(479.000.000)
Tại ngày 31/12/2019	90.000.000.000	5.059.590.857	10.000.000.000	91.899.065	569.608.287	105.734.809.709	211.455.907.918

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.15.2. Cổ phiếu

	<u>Tại ngày 31/12/2019</u>	<u>Tại ngày 01/01/2019</u>
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	9.000.000	9.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	9.000.000	9.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	9.000.000	9.000.000

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

4.15.3. Cổ tức đã trả

	<u>Năm 2019 VND</u>	<u>Năm 2018 VND</u>
Cổ tức đã trả của cổ phiếu phổ thông	(18.000.000.000)	(13.500.000.000)

4.15.4. Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu

	<u>Tại ngày 31/12/2019 VND</u>	<u>Tại ngày 01/01/2019 VND</u>
Lãi sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	18.788.001.902	24.371.699.088
Trích quỹ Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	(332.404.715)	(479.000.000)
Lãi để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu	18.455.597.187	23.892.699.088
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân gia quyền trong năm	9.000.000	9.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) và lãi suy giảm trên cổ phiếu (DEPS)	<u>2.051</u>	<u>2.655</u>

Quý Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát được trừ ra khi tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu được ước tính dựa vào tỷ lệ phân bổ lợi nhuận sau thuế năm 2018 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông ngày 23 tháng 04 năm 2019.

4.15.5. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán hợp nhất

	<u>Tại ngày 31/12/2019</u>	<u>Tại ngày 01/01/2019</u>
Ngoại tệ các loại:		
USD	1.436.955,91	537.784,66

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

5.1. Doanh thu cung cấp dịch vụ

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Doanh thu trụ sở TP. Hồ Chí Minh:	499.005.254.883	557.082.030.937
<i>Dịch vụ hàng không</i>	259.156.494.376	265.404.750.859
<i>Dịch vụ logistics</i>	156.767.686.517	206.287.522.879
<i>Dịch vụ đường biển</i>	83.081.073.990	85.389.757.199
Doanh thu chi nhánh Hà Nội	321.516.928.985	308.052.487.752
Doanh thu chi nhánh Hải Phòng	53.777.892.819	52.130.874.368
Doanh thu chi nhánh Đà Nẵng	9.919.933.344	9.902.003.463
Doanh thu chi nhánh Quy Nhơn	159.390.550	-
Doanh thu Công ty con	15.535.541.591	14.522.249.906
Cộng	899.914.942.172	941.689.646.426
Trong đó, doanh thu đối với các bên có liên quan - Xem thêm mục 7	284.461.827	499.949.365

5.2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Giá vốn trụ sở TP. Hồ Chí Minh:	473.194.921.079	525.599.328.481
<i>Giá vốn phòng hàng không</i>	248.735.856.488	252.964.073.020
<i>Giá vốn phòng logistics</i>	148.669.302.178	195.550.931.752
<i>Giá vốn phòng đường biển</i>	75.789.762.413	77.084.323.709
Giá vốn chi nhánh Hà Nội	320.818.010.637	308.018.719.412
Giá vốn chi nhánh Hải Phòng	53.696.779.226	52.322.147.951
Giá vốn chi nhánh Đà Nẵng	9.939.043.573	9.765.190.241
Giá vốn chi nhánh Quy Nhơn	281.722.384	76.356.362
Giá vốn Công ty con	13.271.679.216	11.737.493.949
Cộng	871.202.156.115	907.519.236.396
Trong đó, giá vốn đối với các bên liên quan - Xem thêm mục 7	2.626.186.137	4.730.074.549

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	1.371.841.793	2.214.023.580
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	3.245.632.473	4.842.638.657
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	77.504.843	211.042.803
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	56.175.000
Cộng	4.694.979.109	7.323.880.040

5.4. Chi phí tài chính

Là khoản lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ.

5.5. Lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh liên kết

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lãi ghi nhận từ kết quả kinh doanh của công ty liên doanh, liên kết	6.351.506.038	5.208.733.978
Cộng	6.351.506.038	5.208.733.978

5.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí nhân viên	8.378.601.482	8.969.782.874
Chi phí vật liệu	197.616.997	201.894.224
Chi phí đồ dùng văn phòng	18.563.000	88.329.000
Chi phí khấu hao TSCĐ	779.878.640	283.007.739
Chi phí thuế, phí và lệ phí	5.000.000	4.000.000
Chi phí/(hoàn nhập) dự phòng	(785.390)	(1.771.777.603)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.664.508.247	3.733.169.618
<i>Tiền điện</i>	505.055.356	873.273.952
<i>Cước điện thoại</i>	79.797.323	162.125.393
<i>Công tác phí</i>	205.913.029	127.266.157
<i>Khác</i>	2.873.742.539	2.570.504.116
Các khoản chi phí khác	1.515.818.520	1.570.013.986
Cộng	14.559.201.496	13.078.419.838

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí nhân công	64.650.986.135	64.722.664.894
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.695.616.476	2.520.385.223
Chi phí/(hoàn nhập) dự phòng	(785.390)	(1.771.777.603)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	620.389.648.680	650.882.046.984
Chi phí khác bằng tiền	198.025.891.710	204.244.336.736
Cộng	885.761.357.611	920.597.656.234

5.8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	4.027.104.887	5.813.687.548
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế hiện hành năm nay	146.596.643	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	4.173.701.530	5.813.687.548

Chi tiết thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành được xác định như sau:

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	22.961.703.432	30.185.386.636
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	4.256.950.760	4.226.539.932
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	(1.326.779.052)	(258.521.941)
Trừ phần lợi nhuận trong công ty liên kết, liên doanh	(6.351.506.038)	(5.208.733.978)
Thu nhập từ công ty con phát sinh trong năm	(223.458.971)	(658.883.743)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh	19.316.910.131	28.285.786.906
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh	3.863.382.026	5.657.157.381
Cộng chi phí thuế TNDN từ công ty con	163.722.861	156.530.167
Chi phí thuế TNDN phải nộp trong năm	4.027.104.887	5.813.687.548

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí/thu nhập khi tính thuế TNDN:

- Các khoản chi không có đủ hóa đơn, chứng từ hợp lệ;
- Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản tiền, công nợ phải thu có gốc ngoại tệ;
- Các khoản phạt thuế;
- Cổ tức, lợi nhuận được chia;
- Dự phòng nợ phải thu khó đòi.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

6. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Tập đoàn phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính theo khu vực địa lý như sau:

- Thành phố Hồ Chí Minh;
- Thành phố Hà Nội;
- Khác bao gồm: Thành phố Hải Phòng, Thành phố Đà Nẵng, Thành phố Quy Nhơn và Vương quốc Campuchia.

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: Triệu đồng

	TP. Hồ Chí Minh		Hà Nội		Khác		Loại trừ		Tổng cộng	
	Năm 2019	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2018
Doanh thu hợp nhất										
Từ khách hàng bên ngoài	499.005	557.082	321.517	308.052	79.393	76.556	-	-	899.915	941.690
Giữa các bộ phận	426	394	-	-	838	911	(1.264)	(1.305)	-	-
Cộng	499.431	557.476	321.517	308.052	80.231	77.467	(1.264)	(1.305)	899.915	941.690
Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất										
Kết quả của bộ phận	13.718	19.252	699	34	(263)	1.806	-	-	14.154	21.092
Lợi nhuận trước thuế, thu nhập tài chính và chi phí tài chính									14.154	21.092
Thu nhập tài chính									4.695	7.324
Chi phí tài chính									(2.658)	(3.701)
Lợi nhuận khác									419	262
Phần lợi ích trong công ty liên doanh liên kết									6.352	5.209
Thuế thu nhập doanh nghiệp									(4.174)	(5.814)
Lợi nhuận hợp nhất sau thuế									18.788	24.372

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

6. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP THEO)

Các thông tin khác

Đơn vị tính: Triệu đồng

	TP. Hồ Chí Minh		Hà Nội		Khác		Loại trừ		Tổng cộng	
	Tại ngày	Tại ngày	Tại ngày	Tại ngày	Tại ngày	Tại ngày	Tại ngày	Tại ngày	Tại ngày	Tại ngày
	31/12/2019	01/01/2019	31/12/2019	01/01/2019	31/12/2019	01/01/2019	31/12/2019	01/01/2019	31/12/2019	01/01/2019
Tài sản của bộ phận	283.597	301.102	65.647	62.417	22.634	18.243	(30.976)	(27.605)	340.901	354.157
Tổng tài sản hợp nhất									340.901	354.157
Nợ phải trả của bộ phận	95.185	111.026	64.453	61.718	20.576	16.315	(50.769)	(45.893)	129.446	143.166
Tổng nợ phải trả hợp nhất									129.446	143.166
	TP. Hồ Chí Minh		Hà Nội		Khác		Loại trừ		Tổng cộng	
	Năm 2019	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2018
Chi phí mua sắm tài sản	1.396	40.911	-	-	537	27	-	-	2.095	40.938
Chi phí khấu hao	2.130	1.652	447	505	118	363	-	-	2.696	2.520

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

7. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan

1. Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Miền Trung (Vinatrans Đà Nẵng)
2. Công ty Cổ phần Logistics Kim Thành
3. Công ty TNHH Điều hành vận chuyển Hàng Hóa Liên Kết LCM
4. Công ty TNHH Vận Tải Việt Nhật Konoike Vina (Japan)
5. Công ty TNHH Dịch Vụ Đại Lý Vận Chuyển (Freight Consolidators)
6. Công ty TNHH RCL (Việt Nam)
7. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Mối quan hệ

- Công ty liên kết
 Công ty liên kết
 Công ty liên doanh
 Công ty liên doanh
 Công ty liên doanh
 Công ty liên doanh
 Nhân sự quản lý chủ chốt

Giao dịch nội bộ giữa các công ty trong Tập đoàn đã được loại trừ toàn bộ trong quá trình hợp nhất.

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 31/12/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Phải thu ngắn hạn khách hàng:		
Công ty TNHH Vận Tải Việt Nhật Konoike Vina (Japan)	13.427.428	22.434.240
Công ty TNHH Điều Hành Vận Chuyển Hàng Hóa Liên Kết LCM	2.391.794	824.035
Cộng - Xem thêm mục 4.3	15.819.222	23.258.275
	Tại ngày 31/12/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Trả trước cho người bán ngắn hạn:		
Công ty Cổ phần Logistics Kim Thành	1.000.000.000	1.000.000.000
Công ty TNHH RCL (Việt Nam)	-	541.631
Cộng - Xem thêm mục 4.4	1.000.000.000	1.000.541.631

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

7. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Trong năm, Tập đoàn đã có giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Bán dịch vụ:		
Công ty TNHH Vận tải Việt Nhật Konoike Vina (Japan)	204.735.439	266.671.686
Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Miền Trung (Vinatrans Đà Nẵng)	68.356.210	194.931.104
Công ty TNHH Điều hành vận chuyển Hàng Hóa Liên Kết LCM	11.370.178	32.663.575
Công ty TNHH RCL (Việt Nam)	-	5.683.000
Cộng - Xem thêm mục 5.1	284.461.827	499.949.365
	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Mua dịch vụ:		
Công ty TNHH Dịch Vụ Đại Lý Vận Chuyển (Freight Consolidators)	1.782.865.876	2.908.584.501
Công ty TNHH RCL (Việt Nam)	839.020.261	1.710.201.290
Các bên liên quan khác	4.300.000	111.288.758
Cộng - Xem thêm mục 5.2	2.626.186.137	4.730.074.549
	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Cổ tức đã chia:		
Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Miền Trung (Vinatrans Đà Nẵng)	131.880.000	98.910.000
Giá dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là theo giá thỏa thuận. Việc mua dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.		
Thù lao Hội đồng quản trị và thu nhập của Ban Tổng Giám đốc Công ty mẹ:		
	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Thù lao Hội đồng quản trị	400.000.000	380.000.000
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc	2.578.954.229	2.607.541.398
Cổ tức đã chia	1.336.399.000	1.087.590.000
Cộng	4.315.353.229	4.075.131.398

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**8. THU NHẬP CỦA BAN KIỂM SOÁT**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Tiền lương và các chi phí hoạt động	85.000.000	80.000.000

9. SỐ LIỆU SO SÁNH

Các số liệu so sánh dưới đây đã được báo cáo lại:

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (Trích):

	Năm 2018 VND (Được báo cáo lại)	Năm 2018 VND (Đã được báo cáo trước đây)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.655	2.708
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	2.655	2.708

Việc báo cáo lại thông tin so sánh các chỉ tiêu Lãi cơ bản trên cổ phiếu và Lãi suy giảm trên cổ phiếu nêu trên là do Tập đoàn đã trích lập quỹ Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2018 theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 ngày 23 tháng 04 năm 2019 (báo cáo tài chính năm 2018 chưa ghi nhận khoản trích này).

10. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 615/2020/NQ/VNL-HĐQT thông qua ngày 06 tháng 03 năm 2020, Tập đoàn đã phê duyệt phương án thanh toán cổ tức đợt 2 năm 2019 bằng tiền mặt với tỷ lệ là 8% mệnh giá cổ phần (800 đồng/cổ phần), tương ứng với số tiền là 7.200.000.000 VND. Ngày chi trả cổ tức dự kiến là ngày 24/04/2020. Tuy nhiên, theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 795/2020/NQ/VNL-HĐQT ngày 24 tháng 03 năm 2020 và Nghị quyết Hội đồng quản trị số 824/2020/NQ/VNL-HĐQT ngày 26 tháng 03 năm 2020, Hội đồng quản trị Tập đoàn đã quyết định lùi thời gian chi trả cổ tức đợt 2 năm 2019 bằng tiền mặt cho cổ đông do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid - 19 và thời gian chi trả cổ tức sẽ do Hội đồng quản trị quyết định.

Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 617/2020/NQ/VNL-HĐQT thông qua ngày 06 tháng 03 năm 2020, Tập đoàn đã có quyết định tạm ngừng hoạt động kinh doanh chi nhánh tại Quy Nhơn để sắp xếp lại hoạt động kinh doanh của Tập đoàn. Thời gian tạm ngừng hoạt động là 01 năm kể từ ngày 01/04/2020 đến ngày 31/03/2021.

11. THUYẾT MINH KHÁC

Ngày 14 tháng 11 năm 2014, Tập đoàn có ký kết Hợp đồng hợp tác khai thác kinh doanh số 2391/HĐHT.12 và Hợp đồng nguyên tắc số 2392/HĐĐB.14 về việc đền bù di dời phục vụ dự án tại số 145-147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh với Công ty Cổ phần Đường Khánh Hội. Theo đó, Tập đoàn sẽ bàn giao toàn bộ tài sản theo hiện trạng tại văn phòng Tập đoàn (gồm toàn bộ hệ thống kho với tổng diện tích sàn kho 9.397,08 m², văn phòng làm việc, nhà bếp, nhà ăn, toàn bộ sân xi măng bên trong khuôn viên và các hạng mục phụ trợ như hệ thống chiếu sáng, hệ thống PCCC, hệ thống cấp thoát nước, tường rào, trạm điện hiện diện trên khu đất) để Công ty Cổ phần Đường Khánh Hội quản lý, khai thác. Tập đoàn sẽ bàn giao cho Công ty Cổ phần Đường Khánh Hội toàn bộ tài sản trên khu đất và từ chối mọi quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến tài sản trên khu đất bao gồm cả quyền quản lý, khai thác khu đất cho đến khi cơ quan thẩm quyền chấp thuận chủ trương cho Công ty Cổ phần Đường Khánh Hội được làm chủ đầu tư dự án. Việc di dời các hoạt động hiện tại của Tập đoàn đi nơi khác sẽ được thực hiện chậm nhất 24 tháng sau ngày ký kết các hợp đồng này.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

11. THUYẾT MINH KHÁC (TIẾP THEO)


Đến tháng 01 năm 2019, Tập đoàn đã di dời hoạt động sang địa điểm kinh doanh mới tại Số 226/2 Lê Văn Sỹ, Phường 1, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh và bán giao toàn bộ tài sản theo hiện trạng tại mặt bằng 145 – 147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh cho Công ty Cổ phần Đường Khánh Hội theo hợp đồng hợp tác kinh doanh nói trên.


Tuy nhiên, đến nay các Hợp đồng hợp tác khai thác kinh doanh và Hợp đồng nguyên tắc như trên vẫn chưa được thanh lý do cơ quan có thẩm quyền chưa có quyết định thu hồi khu đất để giao cho Công ty Cổ phần Đường Khánh Hội thực hiện dự án đầu tư theo định hướng quy hoạch của TP. Hồ Chí Minh.




Nguyễn Nam Tiên
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2020


Nguyễn Anh Nam
Kế toán trưởng


Lê Thị Thanh Thanh
Người lập

TP Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 03 năm 2020

Giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế TNDN
(kèm theo CBTT Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2019)

Công ty Cổ Phần Logistics Vinalink giải trình về chênh lệch lợi nhuận sau thuế TNDN giữa Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2019 (báo cáo riêng và hợp nhất) và Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2018 (báo cáo riêng và hợp nhất) như sau:

Lợi nhuận sau thuế TNDN	Năm 2019	Năm 2018	Chênh lệch	Tỷ lệ %
BCTC riêng	16,620,235,774	23,961,452,144	(7,341,216,370)	- 30.64%
BCTC hợp nhất	18,788,001,902	24,371,699,088	(5,583,697,186)	-22.91%

Lý do:

- Doanh thu và lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh kho bãi và vận chuyển hàng quá cảnh giảm.
- Chi phí khấu hao và chi phí thuê văn phòng tăng.
- Lợi nhuận được chia từ Công ty liên doanh, liên kết giảm làm cho Lợi nhuận sau thuế TNDN của báo cáo riêng giảm so với cùng kỳ năm trước.

Người đại diện theo pháp luật
TỔNG GIÁM ĐỐC




Nguyễn Nam Tiến